MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....1

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT 1
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN 1

II. CÁC KHÁI NIỆM.....1

III TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....2

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN. 2
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY. 4
3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY. 8
4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẮM GIỮ. 10
5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT. 11
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH. 11
7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG HAI NĂM GẦN NHẤT. 25
8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH. 26
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG. 32
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC. 33
11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH. 33
12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT. 38
13. TÀI SẢN. 45
14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC. 46
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC. 48
16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY. 49
17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU. 49

IV CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....49

V CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....51

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT. 51
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN. 51

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN. 51

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO. 51

1. RỦI RO PHÁP LUẬT. 51
2. RỦI RO TỶ GIÁ. 51
3. RỦI RO TÀI CHÍNH. 52
4. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU. 52
5. RỦI RO KHÁC. 52

VII PHỤ LỤC. 52

1. PHỤ LỤC I: ĐIỀU LỆ CÔNG TY. 52
2. PHỤ LỤC II: BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2004, 2005, QUYẾT TOÁN QUÝ I NĂM 2006. 52

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ông **Hoàng Văn Điều** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Bà **Nguyễn Thị Hồng Điệp** Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quang Vinh**

Chức vụ: Giám Đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM.

- Công ty — Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình.
- Tổ chức niêm yết — Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình.
- TGĐ — Tổng Giám Đốc.
- ALTA — Tên tắt của Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình.
- DNNN — Doanh nghiệp Nhà nước.
- KCN — Khu công nghiệp.
- BHXH — Bảo hiểm xã hội.
- CNĐKKD — Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- TSCĐ — Tài sản cố định.
- XNK — Xuất nhập khẩu.
- SXKD — Sản xuất kinh doanh.
- PE — Polyethylene$(C_2H_4)_n$, nhựa nhiệt dẻo, màu trắng hơi trong, không dẫn điện và không dẫn nhiệt, không cho nước và khí thấm qua.
- PP — Polypropylene, nhựa nhiệt dẻo $(C_3H_6)_n$.
- HDPE — High density PE - loại nguyên liệu nhựa PE tỷ trọng cao.
- LDPE — Low density PE - loại nguyên liệu nhựa PE tỷ trọng thấp.
- LLDPE — Linear low density PE - loại nguyên liệu nhựa PE tỷ trọng thấp, mạch thẳng.
- PET — Polyethylene terepthalate polyester, nhựa nhiệt dẻo, thuộc họ polyester.

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

1.1. Lịch sử hình thành.

Công ty có tiền thân là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình, DNNN được thành lập năm 1989 theo Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 13/02/1989 của UBND TPHCM. Hoạt động theo cơ cấu "Dịch vụ - Thương mại và sản xuất". Ngay những năm đầu, Công ty đã trải qua thời kỳ "**vượt qua khó khăn**" để tồn tại trong nền kinh tế thị trường Việt Nam mới được hình thành.

Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình theo chủ trương của Chính phủ về quyết tâm kiện toàn và đổi mới DNNN (Nghị định 388/NĐ-CP Ngày 20/11/1991), hoạt động theo cơ cấu "Sản xuất và thương mại - dịch vụ" theo Quyết định số 2479/QĐ-UB ngày 15/10/1992 của UBND.TPHCM và Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 30/12/1992 của UBND.TPHCM. Bắt đầu từ đây đánh dấu giai đoạn Công ty "khẳng định hiệu quả - tích luỹ vốn và đổi mới" .

Công ty là đơn vị đầu tiên của ngành Văn hoá Thông tin Việt Nam thực hiện cổ phần hoá theo chương trình Cổ Phần Hóa DNNN của chính phủ (Nghị định 28/NĐ-CP Ngày 07/05/1996) nhằm đẩy mạnh đổi mới và chuyển hướng nền kinh tế nhà nước, hội nhập kinh tế Thế giới. Công ty được thành lập mới với tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ TÂN BÌNH (ALTA) theo Quyết định số 3336 /QĐ-UB-KT ngày 26/06/1998 của UBND.TPHCM. Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT TP.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

Những cột mốc đáng ghi nhận của Công ty từ khi thành lập đến nay:

Năm 1999: Đầu tư Dự án Sản xuất bao bì xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm^2 phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

Năm 2000: Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

Năm 2001: Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động.

Năm 2002: Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

Năm 2003: Đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3.5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA).

Năm 2004: Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt $CaCO_3$), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

Năm 2006: Đầu tư Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa Thương mại Lạc Hồng, vốn đầu tư 40 tỷ đồng, tại địa điểm 91B Phạm văn Hai, Quận Tân Bình.

Qua hơn 08 năm hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, ALTA đã có sự phát triển cả về lượng lẫn về chất, hoạt động kinh doanh đa ngành trên các lĩnh vực bao gồm: ngành in, ngành nhựa, ngành bao bì, ngành giấy, ngành hoá chất, phát hành (phim, băng đĩa nhạc, sách và ấn bản phẩm), cung ứng dịch vụ (Công nghệ thông tin, điện tử, quảng cáo đa phương tiện) và các hoạt động đầu tư khác .v.v... Với việc mở rộng kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, doanh thu của Công ty không ngừng tăng trưởng, Công ty phát triển từng bước vững chắc trên thương trường và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. ALTA đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000, được tổ chức DNV chứng nhận vào tháng 09 năm 2002, được tổ chức TUV tái chứng nhận vào tháng 01 năm 2006.

1.2. Giới thiệu về Công ty.

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình**
- Tên tiếng Anh: **ALTA COMPANY**
- Tên viết tắt: ALTA
- Biểu tượng của Công ty:
- Vốn điều lệ: 13.347.000.000 đồng (Mười ba tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn).
- Trụ sở chính: Lô II-3 Nhóm công nghiệp 2, Đường số 11, Đường số 08, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân phú TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 8162884~6
- Fax: (84-8) 8162887
- Email: dieualta@hcm.vnn.vn
- Website: www.alta-vn.com
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT của UBND TP.HCM ngày 29/06/1998 về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn Hoá & Dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình.

- Giấy CNĐKKD: Số 064111 đăng ký lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01/08/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất, kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục.
  - Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio video) có chương trình.
  - Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí.
  - Sửa chữa lắp ráp thiết bị điện tử, dịch vụ phần mềm tin học, cho thuê và in sang băng đĩa từ, các ngành dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá.
  - Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì.
  - Sản xuất mực in.
  - Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
  - Dịch vụ vệ sinh công nghiệp.
  - Dịch vụ uốc tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật.
  - Lắp ráp các thiết bị cơ điện.
  - Sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm.
  - Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử.
  - Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (Audio-Video), các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành).
  - Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu).
  - Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp Composite.
  - Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy.
  - Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY.

Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm:

- Trụ sở chính, nơi đặt văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc, các phòng chuyên môn và các xí nghiệp sản xuất gồm:
  - Xí nghiệp Giấy ALTA
  - Xí nghiệp Nhựa composite.

- Xí nghiệp sản xuất sản phẩm hợp chất (xưởng sản xuất hạt nhựa màu, xưởng sản xuất hạt $CaCO_3$, xưởng sản xuất chai nhựa).
- Xí nghiệp Bao bì nhựa.
- Xí nghiệp In bao bì.

- Các đơn vị trực thuộc gồm:
  - Trung tâm sản xuất và phát hành Băng - Đĩa nhạc Trùng Dương.
  - Trung tâm chế bản kỹ thuật in.
  - Xí nghiệp In tổng hợp.
  - Trung tâm Phát triển sản phẩm ALTA
  - Xí nghiệp Bao bì cao cấp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty đứng đầu là Giám đốc đơn vị, chịu trách nhiệm trực tiếp với Ban Giám Đốc Công ty về hiệu quả hoạt động của đơn vị mình phụ trách, thực hiện kế toán theo chế độ hạch toán báo sổ. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty thể hiện bằng sơ đồ dưới đây:

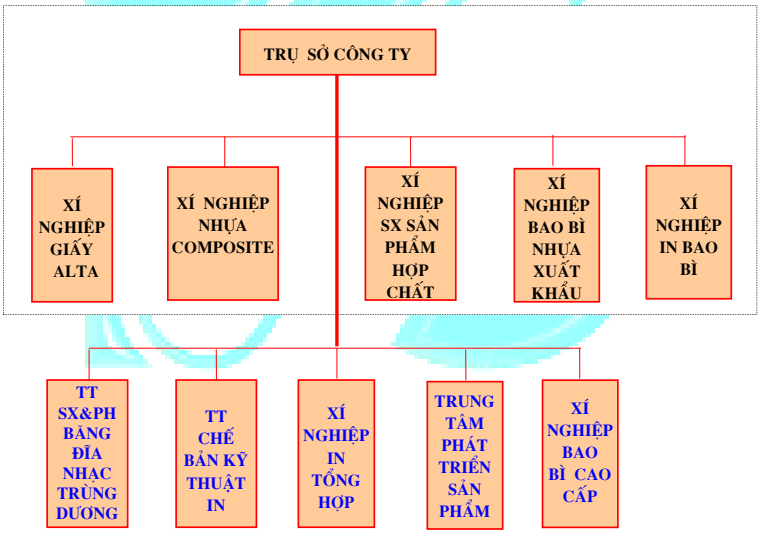

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

XÍ NGHIỆP GIẤY ALTA.

Địa chỉ: Lô II-3, nhóm CN2, đường số 11, KCN Tân bình, P.Tây thạnh, Q.Tân phú, TP. HCM

Điện thoại: 84-8-8162884 / 8162886 Fax: 84-8-8162887

Email: dieualta@hcm.vnn.vn

Sản phẩm: Khăn giấy các loại: khăn ăn, khăn bàn (được đóng gói thành hộp, dùng trong gia đình, nhà bếp), khăn tay, khăn ướt thơm (tẩm nước thơm nguyên chất có hiệu quả sát trùng, không độc hại, không gây phản ứng ngoài da, giữ mùi thơm lâu bền trong điều kiện tự nhiên).

XÍ NGHIỆP NHỰA COMPOSITE ALTA.

Địa chỉ: Lô II-3, nhóm CN2, đường số 11, KCN Tân bình, P.Tây thạnh, Q.Tân phú, TP. HCM

Điện thoại: 84-8-8162884 / 8162885 Fax: 84-8-8162887

Email: dieualta@hcm.vnn.vn

Sản phẩm: Hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp (composite resin) cho các loại plastics gia cường(*), composite resin được bán trực tiếp đến các nhà sản xuất và các đại lý phân phối.

Năng lực sản xuất: 250 tấn/ tháng.

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT SẢN PHẨM HỢP CHẤT ALTA.

Địa chỉ: Lô II-3, nhóm CN2, đường số 11, KCN Tân bình, P.Tây thạnh, Q.Tân phú, TP. HCM

Điện thoại: 84-8-8162884 / 8162885 Fax: 84-8-8162887

Email: dieualta@hcm.vnn.vn

Sản xuất: gồm các xưởng sản xuất sau

Xưởng sản xuất hat nhựa màu (color masterbatches)

Sản phẩm: Hạt màu chủ (masterbatches), nguyên liệu dạng hạt dùng trong ngành công nghiệp nhựa.

Công suất: 200 tấn/tháng.

Xưởng sản xuất hat $CaCO_3$

Sản phẩm: Hạt nhựa $CaCO_3$ là chất liệu phụ gia hỗ trợ cải thiện môi trường sản xuất ngành nhựa, có thể thay thế nhựa nguyên sinh với tỉ lệ từ 10 - 15% trong sản phẩm nhựa. Sản phẩm hạt nhựa $CaCO_3$ có tính năng đặc biệt là tiết kiệm nguyên liệu chính phẩm (HDPE, LDPE...) trong sản xuất, đóng góp vào việc hạ giá thành sản phẩm & tăng sức cạnh tranh trên thị trường ngành nhựa.

Công suất: 200 tấn/tháng.

Xưởng sản xuất chai nhựa (plastic bottles)

Sản phẩm: Các loại sản phẩm chai nhựa có dung tích 30ml, 45ml, 60ml, 120ml, 180 ml, được dùng trong lĩnh vực bao bì cho các sản phẩm y tế và sản phẩm công nghiệp.

Công suất: 150 tấn/tháng.

XÍ NGHIỆP BAO BÌ NHỰA XUẤT KHẨU ALTA.

Địa chỉ: Lô II-3, nhóm CN2, đường số 11, KCN Tân bình, P.Tây thạnh, Q.Tân phú, TP. HCM

Điện thoại: 84-8-8162884 / 8162885 Fax: 84-8-8162887

Email: dieualta@hcm.vnn.vn

Sản phẩm: Các loại bao bì PE đạt tiêu chuẩn xuất khẩu với sắc màu, hình thức, mẫu mã đa dạng (túi phẳng và túi cuộn). Kinh doanh các loại nguyên vật liệu ngành nhựa như: HDPE, LDPE, LLDPE. Sản phẩm bao bì nhựa tự phân hủy (lần đầu tiên có mặt

(*) Nguyên liệu nhựa composite resin, đầu tiên SX ở Việt nam, nhựa composite với các đặc tính bền, chịu được mài mòn, chịu nhiệt nóng, chịu được va đập vàv tính thẩm mỹ cao. Các loại composite resin được sử dụng đa dạng trong các ngành như: **công nghiệp** *(*ống dẫn, cáp điện, thùng chứa hóa chất), **kiến trúc** (thang, các vật dụng trang trí nội thất, khung cửa, polymer concrete... , **hàng hải** (các thân tàu, tàu lặn, ván lướt), **giao thông** (tấm xe tải, ghế ngồi, sườn xe ...), **dân dụng** (bồn tắm, cần câu, chậu, tượng, nút ...).

trên thị trường Việt nam được sản xuất theo công nghệ sinh học hiện đại của Canada).

Năng lực sản xuất: 500 tấn/tháng.

XÍ NGHIỆP IN BAO BÌ ALTA.

Địa chỉ: Lô II-3, nhóm CN2, đường số 11, KCN Tân bình, P.Tây thạnh, Q.Tân phú, TP. HCM

Điện thoại: 84-8- 8162885 / 8162675 / 8162669 Fax: 84-8-8162887

Sản xuất: Thực hiện các loại ấn phẩm bao gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì sản phẩm và các loại ấn phẩm quảng cáo như brochure, tờ bướm, poster (qua các công đoạn trước in - in ấn và sau in). Kinh doanh máy móc thiết bị và nguyên liệu, vật tư ngành in như máy in offset, máy in ống đồng và phụ tùng thiết bị in, giấy in các loại, film, bản kẽm in.

Năng lực sản xuất: 06 tỷ trang in/năm.

TRÙNG DƯƠNG AUDIO & VIDEO.

Địa chỉ: 169/ 8 Cách mạng tháng 8, P.7, Q.Tân Bình, TP. HCM.

Điện thoại: 84-8- 8641638. Fax: 84-8-8162887

Email: dieualta@hcm.vnn.vn

Sản phẩm: Sản xuất và phát hành phim ảnh và các chương trình âm nhạc gồm các thể loại: thơ, ca, cổ nhạc. Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại băng dĩa CD, VCD và DVD. Thực hiện dịch vụ kỹ thuật audio & video studio cung ứng cho các công ty quảng cáo đa phương tiện (multimedia).

TRUNG TÂM CHẾ BẢN & KỸ THUẬT IN.

Địa chỉ: 9-11 Trường Chinh, P.11, Q.Tân Bình, TP. HCM.

Điện thoại: 84-8- 8426329 Fax: 84-8-8162887

Hoạt động: Cung cấp các dịch vụ cho công đoạn trước in (prepress), từ giai đoạn tạo ý tưởng, thiết kế, đến xuất phim. Dịch vụ chụp hình kỹ thuật số chuyên nghiệp.

XÍ NGHIỆP IN TỔNG HỢP ALTA bao gồm các xưởng in chuyên nghiệp sau:

Xưởng in tổng hợp.

Địa chỉ: 105A Âu Cơ, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: 84-8-8428091/ 8496039 Fax: 84-8-8162887.

Xưởng in Xuất bản phẩm.

Địa chỉ: 02 đường Thành Công, P.Phú trung, Q.Tân phú, TP.HCM

Điện thoại: 84-8- 8428434 Fax: 84-8-8162887.

Xưởng in nhãn hàng và hoàn tất ấn phẩm.

Địa chỉ: 17 đường Đông sơn, P.7, Q.Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: 84-8- 8640423 Fax: 84-8-8162887.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM ALTA

Địa chỉ: 600 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TP. HCM.

Điện thoại: 84-8- 8120368 Fax: 84-8-8124813

Hoạt động: kinh doanh các mặt hàng vật phẩm văn hóa, đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục, thực hiện các hoạt động phát triển, khuyếch trương kinh doanh các loại sản phẩm thương hiệu ALTA.

XÍ NGHIỆP BAO BÌ CAO CẤP.

Địa chỉ: 47/4 Âu Cơ, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM.

Điện thoại: 84-8- 8615199 Fax: 84-8-8604866.

Sản phẩm: Sản xuất các loại bao bì mỹ thuật cao cấp bằng gỗ và giấy in offset UV định điểm 04 màu.

3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY.

Công ty có cấu trúc bộ máy quản lý theo đúng mô hình Công ty cổ phần (xem sơ đồ), bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

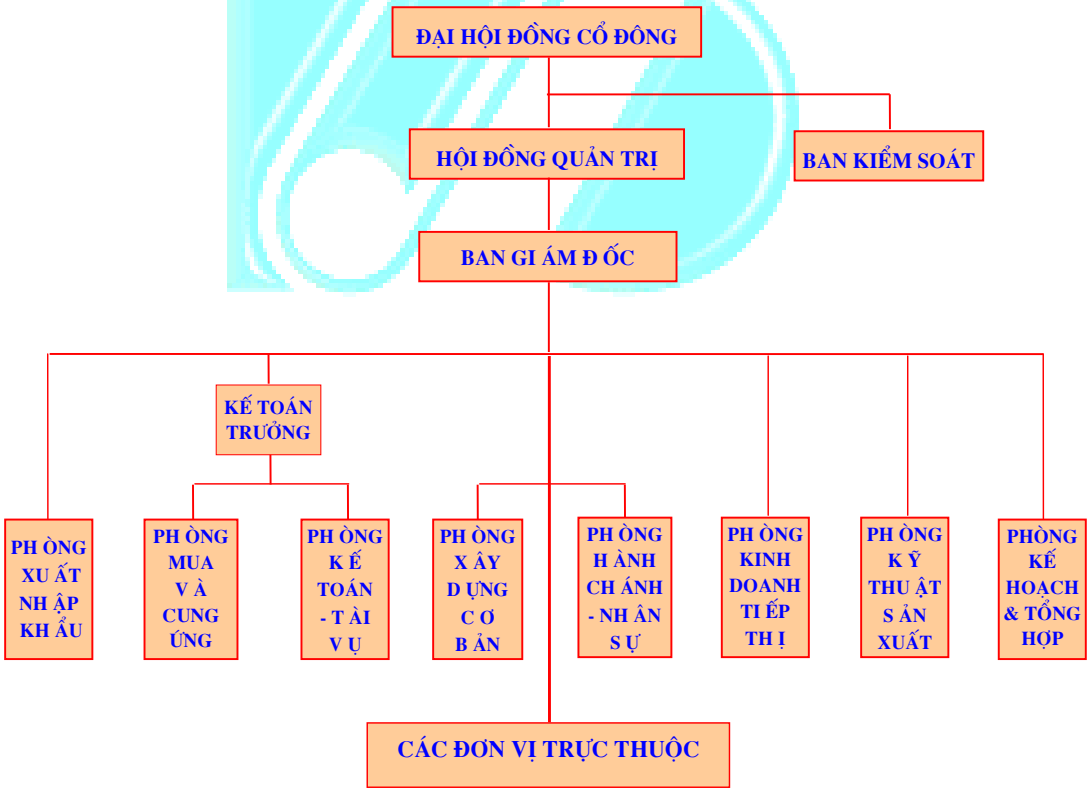

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.

Hội Đồng Quản Trị: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người

quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Theo Điều lệ Công ty quy định, chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Kiểm Soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Giám đốc: Gồm Tổng giám đốc, Giám đốc Điều hành và Các Giám Đốc chuyên trách

- Tổng Giám đốc là người điều hành và quyết định cao nhất về hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Giám đốc Điều hành là người do Tổng Giám đốc lựa chọn và bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chủ động giải quyết những công việc theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.
- Giám đốc Tài chánh là người do Tổng Giám đốc lựa chọn và bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về tình hình và hiệu quả hoạt động tài chính - ngân sách của Công ty.
- Giám đốc Quản lý Dự án là người do Tổng Giám đốc lựa chọn và bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về tình hình và hiệu quả hoạt động các dự án của Công ty.
- Giám đốc Kinh doanh là người do Tổng Giám đốc lựa chọn và bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về tình hình và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Giám đốc Thị trường Xuất khẩu, là người do Tổng Giám đốc lựa chọn và bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất xuất khẩu của Công ty.

Các phòng chuyên môn: Các phòng chuyên môn nghiệp vụ có nhiệm vụ tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành phần công việc theo chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Ban Giám đốc, Công ty hiện có 8 phòng, nhiệm vụ của các phòng, được quy định như sau:

- Phòng Xuất nhập khẩu: có chức năng xây dựng và thực hiện kế hoạch XNK trên cơ sở tổng hợp kế hoạch từ các Đơn vị SXKD trực thuộc Công ty. Thực hiện mọi thủ tục XNK như: thiết lập Đơn đặt hàng, hợp đồng XNK, tổ chức vận chuyển, giao nhận và thanh toán ngoại thương, thực hiện công tác Hải quan và thuế XNK.
- Phòng Mua và cung ứng: có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc hoạch định kế hoạch mua hàng và cung ứng vật lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức điều hành các kho hàng trong hệ thống SXKD của Công ty.

- Phòng Kế toán - Tài vụ: có chức năng thực hiện công tác Kế toán - Tài vụ thống kê đúng quy định. Tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác hoạch định chiến lược về tài chính, phân tích tình hình kinh tế & tài chính của Công ty.
- Phòng Xây dựng cơ bản: có chức năng quản lý và điều hành hoạt động Xây dựng cơ bản trong Công ty và Tư vấn thiết kế Công trình ngoài Công ty. Lập dự toán công trình, giám sát thi công và quản lý bộ hồ sơ xây dựng cơ bản của Công ty.
- Phòng Hành chánh - Nhân sự: có chức năng xây dựng và thực hiện những nguyên tắc về tổ chức Công ty. Hoạch định và quản trị nguồn nhân lực đồng thời xây dựng chính sách nhân dụng trong: tuyển dụng, đào tạo huấn luyện, đề bạt, kích lệ, khen thưởng và những chính sách khác theo đúng luật pháp hiện hành. Quản lý công tác bảo hiểm, tổ chức và quản lý mọi hoạt động hành chính của Công ty.
- Phòng Kinh doanh Tiếp thi: có chức năng xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như chính sách phân phối sản phẩm của Công ty. Nghiên cứu xây dựng kỹ thuật tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi, đánh giá sự thoả mãn của khách hàng, xác định yêu cầu của khách hàng.
- Phòng kỹ thuật sản xuất: có chức năng quản trị hoạt động sản xuất một cách an toàn và hiệu quả, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất và chất lượng theo đúng tiêu chuẩn của Công ty đề ra. Xây dựng kế hoạch bảo trì sửa chữa máy móc thiết bị tại các đơn vị sản xuất kịp thời khắc phục sự cố kỹ thuật và sửa chữa máy móc thiết bị. Lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện đào tạo kỹ thuật cho công nhân nhằm nâng cao tay nghề và năng suất lao động.

  Phòng Kế hoach Tổng hợp: có chức năng tổ chức điều hành công tác tổng hợp và tích hợp các loại thông tin dữ liệu trong hệ thống Công ty. Thống kê phân tích kinh tế và xác định khuynh hướng của mọi hoạt động Công ty. Thống kê lao động, tiền lương và các yếu tố xã hội, quản lý hệ thống mạng thông tin itranet và internet.

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẮM GIỮ.

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tai thời điểm 20/08/2006).

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông Nhà nước. (Đồng đại diện Ông **Hoàng Văn Điều** và Bà **Lại Thị Hồng Điệp**) (*)	Công ty Liksin - 701 Kinh Dương Vương, Q6, Tp.HCM	457.200	4.572.000.000	34,25%
2	Hoàng Văn Điều	14 Cách Mạng Tháng 8, P5, Quận Tân Bình, TP.HCM.	128.850	1.288.500.000	9,65%
3	Lại Thị Hồng Điệp	84/A8 Nguyễn Kiệm, P3, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	74.030	740.300.000	5,55%
	TỔNG CỘNG		**660.080**	**6.600.800.000**	**49,45%**

(*) *Căn cứ theo Thông báo số 71/TB-UB-KT của Uỷ ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 08 năm 1998 V/v cử đại diện cổ đông phần vốn thuộc sở hữu Nhà nước tại Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.*

Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Theo Điều lệ khi thành lập Công ty, được ĐHĐCĐ thành lập thông qua ngày 13/08/1998, Cổ đông sáng lập Công ty là Nhà nước, hiện Nhà nước đang nắm giữ 34,25% cổ phần của Công ty.

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.

- Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát ALTA: Không có
- Danh sách Công ty ALTA nắm giữ quyền kiểm soát: Không có

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Các mảng hoạt động chính của Công ty gồm:

- Ngành in: thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với các ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì sản phẩm, brochre quảng cáo, tờ bướm, poster .v.v…
- Ngành nhựa: sản xuất các loại túi xốp , chai nhựa , nguyên liệu nhựa composite , các sản phẩm thân thiện môi trường như: bao bì nhựa tự phân huỷ, hạt màu chủ (masterbatches), hạt nhựa $CaCO_3$.
- Ngành văn hoá phẩm: sản xuất các chương trình âm nhạc các thể loại gồm: thơ, ca , cổ nhạc, hòa tấu.v.v… dành cho mọi lứa tuổi
- Các lĩnh vực khác: cho thuê mặt bằng, xây dựng, dịch vụ vui chơi giải trí, sản xuất khăn giấy.v.v…

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là in ấn các ấn phẩm và sản phẩm bao bì túi xốp, doanh thu của các hoạt động này chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty, đối tượng khách hàng phần lớn là các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Đối với những dòng sản phẩm phục vụ trực tiếp người tiêu dùng: khăn giấy, băng đĩa nhạc, Công ty luôn quan tâm tới chất lượng sản phẩm dịch vụ và coi đó là nhiệm vụ hàng đầu để xây dựng hình ảnh thương hiệu của mình. Đặc biệt đối với ngành băng đĩa nhạc Công ty trong nhiều năm liền đều đoạt danh hiệu Hàng VN chất lượng cao.

6.1. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm.

a. Sản lượng sản phẩm qua các năm:

KHOẢN MỤC	Đơn vị tính	Năm 2004	Năm 2005	06 tháng 2006
Sản phẩm in ấn	1.000 trang	2.361.900	1.923.775	919.569
Sản phẩm chế bản	1.000 cm^2	88.614	32.326	18.598
Sản phẩm bao bì (túi xốp)	tấn	2.229	2.545	1.145
Sản phẩm hạt nhựa	tấn	1.071	849	325
Sản phẩm hoá chất	tấn	235	389	56
Băng đĩa (Audio-Video)	Cái	103.648	71.250	67.594
Khăn giấy	1.000 cái	3.606	3.850	2.685

Nguồn: ALTA

b. Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm.

Đơn vị tính: triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2004		Năm 2005		6 tháng năm 2006	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Sản phẩm in ấn	78.476	48,81%	75.822	46,00%	30.346	43,79%
Sản phẩm chế bản	1.784	1,11%	1.131	0,69%	558	0,81%
Sản phẩm bao bì (túi xốp)	47.410	29,49%	59.894	36,33%	27.476	39,64%
Sản phẩm hạt nhựa	20.445	12,72%	14.205	8,62%	6.509	9,39%
Sản phẩm hoá chất	3.361	2,09%	5.531	3,36%	1.053	1,52%
Băng đĩa (Audio-Video)	3.804	2,37%	3.266	1,98%	1.217	1,76%
Khăn giấy	1.136	0,71%	1.203	0,73%	886	1,28%
Đồ chơi trẻ em, văn phòng phẩm	2.297	1,43%	2.082	1,26%	824	1,19%
Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi giải trí	2.073	1,29%	1.711	1,04%	437	0,63%
Doanh thu thuần	**160.785**	**100,00%**	**164.846**	**100,00%**	**69.305**	**100,00%**

Nguồn: ALTA

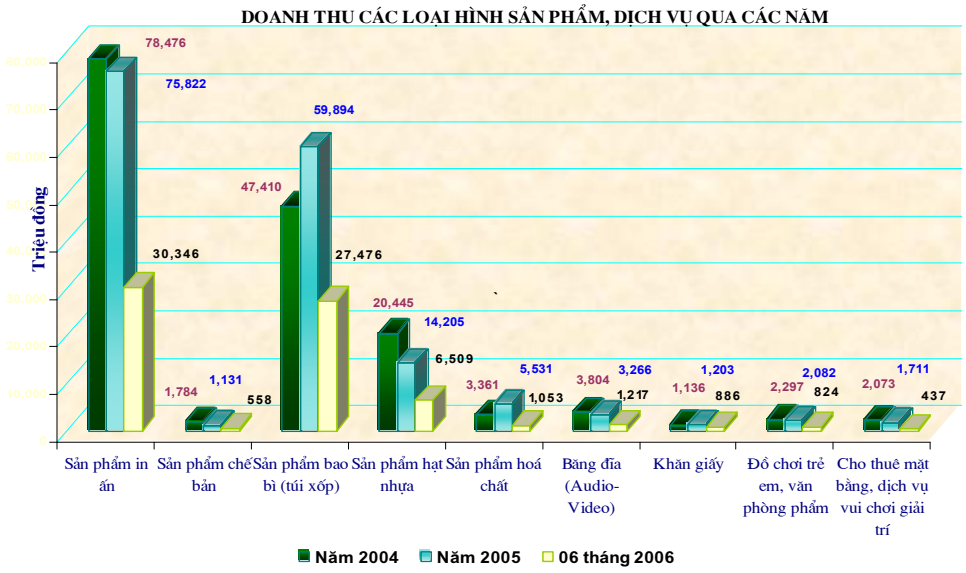

c. Lợi nhuận sản phẩm, dịch vụ qua các năm.

Đơn vị tính: triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2004		Năm 2005		06 tháng 2006	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Sản phẩm in ấn	3.280	38,74%	4.425	39,53%	2.779	38,55%
Sản phẩm chế bản	103	1,22%	166	1,48%	76	1,05%
Sản phẩm bao bì (túi xốp)	2.455	28,99%	3.834	34,25%	2.563	35,55%
Sản phẩm hạt nhựa	648	7,65%	876	7,82%	616	8,54%
Sản phẩm hoá chất	122	1,44%	236	2,11%	40	0,55%
Băng đĩa (Audio-Video)	189	2,23%	279	2,49%	286	3,97%
Khăn giấy	441	5,21%	432	3,86%	263	3,65%
Đồ chơi trẻ em, văn phòng phẩm	142	1,68%	196	1,75%	169	2,34%
Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi giải trí	1.087	12,84%	751	6,71%	417	5,78%
Cộng	**8.467**	**100,00%**	**11.195**	**100,00%**	**7.209**	**100,00%**
Doanh thu hoạt động tài chính	287		271		90	
Chi phí tài chính	-2.106		-5.229		-3.165	
Chi phí bán hàng	-460		-285		-128	
Chi phí quản lý	-3.760		-3.382		-2.422	
Thu nhập khác	375		1.945		883	
Chi phí khác	-163		-1.345		-556	
Tổng lợi nhuận trước thuế	**2.639**		**3.169**		**1.908**	

Nguồn: Alta

LỢI NHUẬN (CHƯA TRỪ CHI PHÍ CHUNG) QUA CÁC NĂM

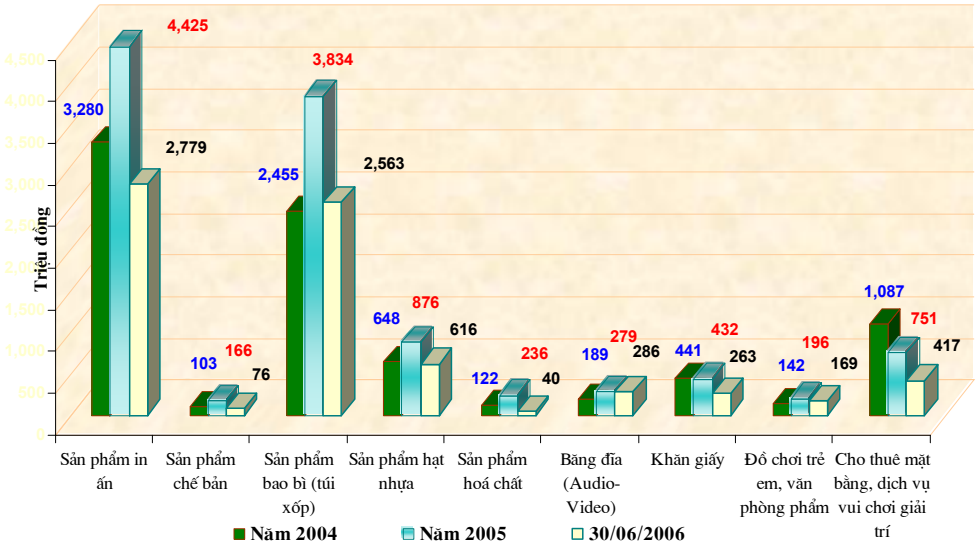

6.2. Nguyên vật liệu.

a. Nguồn nguyên vật liệu.

Các loại nguyên vật liệu chính mà Công ty sử dụng:

- Hạt nhựa các loại: HDPE, LLDPE, LDPE.
- Các loại hóa chất: Titanium, Polyethylene Wax...
- Giấy các loại: air laid, non wowen, fort, couchée, duplex...

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty gồm:

STT	TÊN NHÀ CUNG CẤP	ĐỊA CHỈ	LOẠI NVL	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	NGUỒN GỐC (NVL)	BIẾN ĐỘNG GIÁ	SẢN LƯỢNG TRONG 03 NĂM QUA
1	TOP PRODUCTS	Saudi Arabia	HDPE 0952 LLDPE 218W	SX túi xốp, Masterbatch	Saudi Arabia	Theo thị trường	3600 tấn
2	WANDERPAK	Singapore	HDPE 1520 COULOR MASTERBATCH	SX túi xốp & KD nội địa	U.A.E, China	Ít biến động	100 tấn
3	BOROUGE - VIỆT SIÊU TRADING	Danmark	HDPE 1460 HDPE 1520 HDPE TR144	SX túi xốp	U.A.E	Theo thị trường	5.400 tấn
4	TITAN PETCHEM	Malaysia	LDPE 260	SX túi xốp	Malaysia	Theo thị trường	100 tấn

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu.

Nguyên liệu nhựa được nhập khẩu chủ yếu từ các nước khối Trung Đông, trung bình một tháng Công ty mua khoảng 300 tấn hạt nhựa và được chia thành 03 đến 04 đơn hàng, khoảng cách của mỗi lần mua hàng có thể linh động từ một đến hai tuần. Chất lượng, giá cả và thời gian giao hàng là nhân tố tác động đến việc quyết định mua hàng. Công ty chỉ ký hợp đồng khi quyết định mua và sau khi việc mua bán hoàn tất thì hợp đồng được thanh lý. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu nhựa, giá bán và phương thức thanh toán được chào và cập nhật thường xuyên, số lượng cung ứng dồi dào.

Nguyên liệu giấy được mua chủ yếu từ thị trường nội địa tại TP.HCM, riêng đối với giấy dùng để sản xuất khăn giấy, được nhập từ Đài Loan. Nguyên liệu giấy được nhập hàng tuần theo kế hoạch sản xuất và theo thực tế phát sinh của đơn hàng. Giữa Công ty và các nhà cung cấp thường ký kết với nhau bằng hợp đồng nguyên tắc, giá cả sẽ thay đổi tùy theo đơn đặt hàng.

Công ty lựa chọn nhà cung cấp trên cơ sở xem xét các yếu tố về: giá cả, chất lượng, phương thức thanh toán, dịch vụ hậu mãi. Cơ sở xác định tiêu chí lựa chọn trên là nhằm mục đích luôn tìm cách giảm thiểu tối đa chi phí và cải tiến chất lượng đầu vào của các quá trình sản xuất.

Hiện tại Công ty chưa gặp phải tình trạng thiếu nguồn cung ứng do giảm sản lượng vì Công ty áp dụng chính sách dự trữ nguyên liệu tồn kho đáp ứng nhu cầu sản xuất từ 01-03 tháng.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận.

Nguyên liệu nhựa chiếm chiếm tỷ trọng khoảng 80% trong cơ cấu giá thành của các sản phẩm túi xốp. Nguyên liệu giấy cũng chiếm khoảng 70% trong cơ cấu giá thành của các sản phẩm in ấn. Những yếu tố tác động đến giá cả nguyên vật liệu chủ yếu do yếu tố khách quan như: thiên tai, chiến tranh, biến động thị trường quốc tế và khu vực, cạnh tranh .v.v...

Khả năng xảy ra rủi ro, do biến động về giá, với hoạt động của Công ty còn tùy thuộc vào thời gian biến động vì các loại nguyên vật liệu có giá trị lớn như hạt nhựa, hóa chất, giấy in .v.v....Công ty đều có định mức dự trữ từ 01 đến 03 tháng tùy theo từng loại nguyên liệu và mức độ biến động giá của chúng.

Mặt khác, riêng mặt hàng bao bì nhựa, Công ty giảm ảnh hưởng của giá nguyên liệu theo hướng nhận đơn đặt hàng với giá bán xác định theo giá nguyên liệu tại thời điểm mua vào cộng giá gia công, chính vì vậy nên biến động giá ít tác động đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Đây là một trong các biện pháp Công ty đề ra để phòng tránh rủi ro biến động giá của nguyên liệu.

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng một số biện pháp khắc phục tình trạng giá cả tăng vọt không dự kiến kịp như:

- Cải tiến qui trình sản xuất.
- Tìm nguồn mua từ các nhà nhập khẩu trong nước khi cung còn lớn hơn cầu.
- Tăng cường tiết kiệm tiêu hao nguyên vật liệu qua việc giám sát sản xuất, thưởng tiết kiệm, thưởng sáng kiến .v.v...

Với sản xuất túi xốp, hiện Công ty kết hợp sử dụng thêm hạt $CaCO_3$ (có thể thay thế 01 phần hạt nhựa nguyên sinh với tỷ lệ nhất định). Loại $CaCO_3$ này do chính Công ty sản xuất với giá chỉ bằng 1/3 giá hạt nhựa do đó có khả năng làm giảm giá thành sản phẩm.

6.3. Chi phí sản xuất.

Nhìn chung, chi phí sản xuất của Công ty có khả năng cạnh tranh tốt so với các đơn vị khác trong ngành do Công ty tự sản xuất được một số nguyên liệu như: Hạt nhựa $CaCO_3$, hạt màu chủ .v.v.... nên giá thành sản phẩm giảm. Trong in ấn, Công ty có qui trình sản xuất in khép kín từ chế bản cho đến hoàn tất sản phẩm nên tránh được công đoạn gia công bên ngoài. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, góp phần duy trì và không ngừng cải tiến các hoạt động trong sản xuất kinh doanh ngày càng tốt hơn. Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc xây dựng các định mức chung cho toàn Công ty như: quy định về tiêu hao nguyên vật liệu, quy định về sử dụng và trang bị phương tiện, công cụ dụng cụ .v.v... Công ty cũng liên tục thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý và sử dụng vật tư, vật liệu để giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh.

Ngoài ra, Việc lựa chọn công nghệ và thay đổi công nghệ luôn đi theo hướng hiện đại hóa trên cơ sở đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả đầu tư.

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2004		NĂM 2005		06 THÁNG 2006	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	152.321	94.33%	153,650	92,92%	62.098	89,60%
2	Chi phí bán hàng	460	0.28%	285	0,17%	128	0,18%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.714	1.68%	3,382	2,05%	2.422	3,49%
4	Lãi vay phải trả	2.899	1.80%	4,799	2,90%	3.006	4,34%
	TỔNG	**158.393**	**98.09%**	**162,116**	**98,04%**	**68.138**	**98,29%**

Nguồn: ALTA & Báo cáo kiểm toán

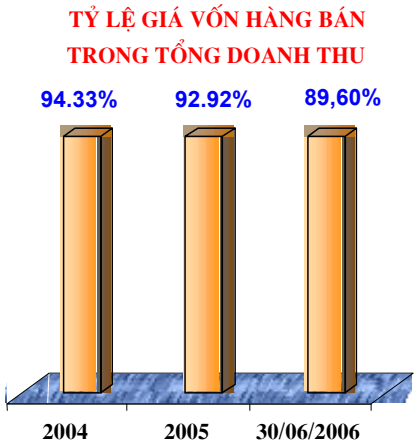

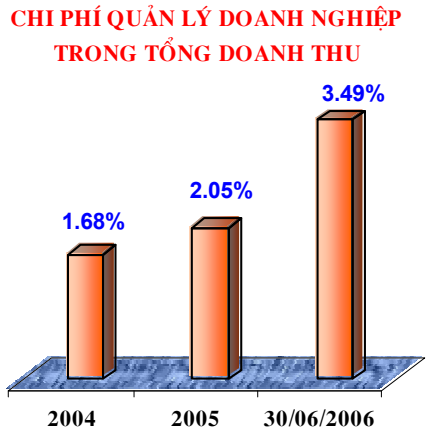

6.4. Trình độ công nghệ.

Trong lĩnh vực in ấn, Công ty sử dụng công nghệ chính là in offset (*) (hiện nay trên tòan Thế giới người ta sử dụng đến 90% các sản phẩm in offset, phần còn lại là các Công nghệ khác như: in ống đồng, in Flexo .v.v...), Công ty cũng sử dụng các công nghệ in Flexo, in ống đồng.v.v... nhằm đa dạng hoá hơn việc đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Dây chuyền công nghệ in offset của Công ty khép kín từ chế bản tách màu điện tử, tạo mẫu đến gia công hoàn thiện tờ in, trang thiết bị tiên tiến hàng đầu Thế giới:

- Máy tách màu ghi phim Hercules.
- Máy in offset đồng bộ 05 màu Heidelberg.
- Máy in 04 màu Komori Lithorne.
- Máy cắt Sugiyama.

Trong sản xuất các sản phẩm nhựa, Công ty sử dụng Công nghệ đùn thổi (Blowing injection technology), đây là công nghệ thổi màng (nguyên liệu được đưa vào gia nhiệt sau đó thổi

(*)In offset là một kỹ thuật trong đó, các hình ảnh dính mực in được ép lên các tấm cao su (còn gọi là các tấm offset) trước rồi mới ép từ miếng cao su này lên giấy. Khi sử dụng với in thạch bản, kỹ thuật này tránh được việc làm nước bị dính lên giấy theo mực in. Các ưu điểm của kỹ thuật in này là: Chất lượng hình ảnh cao, rõ nét và sạch hơn in trực tiếp từ bản in lên giấy vì miếng cao su áp đều lên bề mặt cần in. Khả năng ứng dụng in ấn lên nhiều bề mặt, kể cả bề mặt không phẳng (như gỗ, vải, kim loại, da, giấy thô nhám). Việc chế tạo các bản in dễ dàng hơn. Các bản in có tuổi thọ lâu hơn - vì không phải trực tiếp tiếp xúc với bề mặt cần in. (Nguồn: Wikipedia)

màng và ép định hình, màng ép được in bề mặt và gia công cắt để ra sản phẩm hoàn chỉnh), công nghệ thổi được sử dụng để sản xuất ra các loại vật liệu bao bì nhựa từ màng, dùng trong các công nghệ thổi túi PE, PP và màng (cán màng PVC). Bên cạnh đó, bao bì dạng chai nhựa PET, PEN, thùng phuy... đều phát triển từ công nghệ đùn thổi. Hiện các máy móc thiết bị trong sản suất các sản phẩm nhựa của Công ty có 70% xuất xứ từ Đài Loan, 30% còn lại có nguồn gốc từ Italia, Nhật, Malaysia .v.v...

MỘT SỐ MÁY MÓC THIẾT BỊ CHÍNH

Thời điểm 30/06/2006

TÊN TÀI SẢN	NGÀY MUA	SỐ KỲ KH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ ĐÃ KH	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Hệ thống sản xuất bao bì cao cấp	4/01/2006	10	3.234.081.579	0	3.234.081.579
Trạm biến thế 560KVA và Tụ bù 120KVA	18/09/2000	10	171.769.813	118.669.685	53.100.128
Nhà Xưởng Xí Nghiệp Nhựa Xuất Khẩu	30/01/2000	25	1.727.510.979	442.948.072	1.284.562.907
Máy in AB-Dick 30 X 40	31/12/1991	7	120.000.000	120.000.000	0
Máy gấp 3 vạch SHOEI + Biến thế 3f.25A	30/11/2004	7	88.095.238	19.926.307	68.168.931
Máy khâu sách Đài Loan 6 kim	01/09/1999	7	41.818.182	40.308.516	1.509.666
Máy cắt Chungta (Đài Loan)	01/01/1994	7	35.000.000	35.000.000	0
Máy đóng sách TQ	01/01/1994	5	13.000.000	13.000.000	0
Máy ép sách 2 đầu	31/01/1997	7	18.000.000	18.000.000	0
Máy vô bìa 5 đầu	31/01/1997	7	135.000.000	135.000.000	0
Máy cắt 3 mặt FROMM(30x32)	30/09/2000	7	40.909.091	33.590.442	7.318.649
Máy in 1 màu Invicta 38R (60x90) + BT	19/11/1999	7	227.298.701	213.683.545	13.615.156
Máy Appollo (65 X 100)	01/01/1992	8	162.200.000	162.200.000	0
Máy in 2 màu Komori New Kony L237	06/09/2001	7	388.095.238	263.244.981	124.850.257
Máy khâu chỉ đặt tay JSL	19/06/2002	7	38.095.238	21.759.984	16.335.254
Máy in Offset 2 màu Komori Super 10	23/05/2003	7	200.000.000	83.300.000	116.700.000
Máy in 4 màu Komori Lithrone	05/01/2004	7	2.381.995.566	793.998.520	1.587.997.046
Máy cắt tự động NAGA1 :NCD-3	22/03/2004	7	169.523.809	54.489.807	115.034.002
Máy đóng 1 kim	22/03/2004	5	13.333.333	5.999.994	7.333.339
Máy in offset 2 màu Komori Lithrone L244	28/06/2004	7	1.142.857.143	326.530.608	816.326.535
Máy in offset 1 màu	30/08/2004	7	75.000.000	19.642.854	55.357.146
Máy in offset 2 màu Komori sprint 225	16/10/2004	7	353.000.000	84.047.620	268.952.380
Máy in offset Apollo 1 màu (1)	10/03/2006	5	19.285.714	964.287	18.321.427
Máy in offset Apollo 1 màu (2)	10/03/2006	5	19.285.714	964.287	18.321.427
Máy bế hộp đặt tay Nogoya	05/04/2006	5	90.476.190	3.015.874	87.460.316
Dàn máy phơi kẽm	26/07/1997	7	17.500.000	17.500.000	0
Máy in 1 màu Fuji58 40x58	19/02/1998	7	185.000.000	185.000.000	0
Máy in 1 màu Komori (No171434)	28/01/1999	7	150.000.000	150.000.000	0
Máy in 1 màu New Kony L37S	12/01/1999	7	272.727.273	272.727.273	0
Máy in 4 màu Komori (60x84)	23/08/1999	7	717.963.637	700.588.894	17.374.743
Máy in 2 màu Komori Super 10	01/01/1994	7	719.000.000	719.000.000	0
Máy in 1 màu Komori Koni L73	01/01/1994	7	250.000.000	250.000.000	0
Máy in BTĐ Shinchin (65 X 100)	01/01/1994	8	50.000.000	50.000.000	0
Máy in offset 01 màu hiệu komori	22/04/2002	7	157.142.857	93.500.000	63.642.857
Máy cán màng	26/08/2002	7	19.500.000	10.442.250	9.057.750
Máy Bế hộp	13/08/2002	7	21.904.000	11.729.610	10.174.390
Máy in 02 màu New Kony L237S	30/12/2002	7	361.904.762	177.333.324	184.571.438
Máy in offset 1màu Komori L37(65x100)	15/04/2003	7	76.190.476	34.453.346	41.737.130
Máy in offset 1màu Komori L37TP	15/04/2003	7	76.190.476	34.453.346	41.737.130

TÊN TÀI SẢN	NGÀY MUA	SỐ KỲ KH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ ĐÃ KH	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Máy in offset 2 màu Lithrone L240	31/12/2003	7	333.333.333	119.000.010	214.333.323
Máy in Komori Koni L37 (65x100)	26/09/2001	7	95.238.095	64.599.981	30.638.114
Máy mài kẽm	09/05/2002	7	10.476.190	6.108.674	4.367.516
Máy mài kẽm	09/05/2002	7	10.476.190	6.108.673	4.367.517
Máy in 2 màu Miller TP41	04/01/2000	7	523.809.524	479.966.641	43.842.883
Máy cắt giấy Hsingchin khổ 94	31/12/1993	6	30.000.000	30.000.000	0
Máy in offset 1màu Heidelberd	27/12/2003	7	10.000.000	3.570.000	6.430.000
Máy in 1 màu HongYi 72x102	03/02/2003	8	98.000.000	98.000.000	0
Hệ thống chữa cháy	29/11/2005	5	47.810.000	5.577.831	42.232.169
Máy bế hộp (68x108)	01/02/2003	7	36.000.000	14.994.000	21.006.000
ổn áp 3P 150KWA HanShin	17/02/2003	5	45.714.286	26.666.675	19.047.611
Máy cắt hiệu Sugiyama khổ 116cm	28/02/2003	7	179.047.619	74.573.345	104.474.274
Máy phơi bản điện tử	28/02/2003	7	42.857.143	17.850.000	25.007.143
Máy sấy	23/04/2003	7	22.570.070	9.400.440	13.169.630
Máy gấp dán hộp	05/06/2003	7	94.740.000	39.459.210	55.280.790
Hệ thống lạnh RD/RC 120 (1)	22/08/2003	7	57.729.450	23.357.320	34.372.130
Biến tần FR-F540-37KW 3P-380V	23/09/2003	5	65.946.000	36.270.300	29.675.700
Điện trở hãm FR-BR-H30K	23/09/2003	5	16.050.000	8.827.500	7.222.500
Hệ thống ống gió	23/10/2003	7	11.428.571	4.352.000	7.076.571
Máy dán hộp tự động	20/06/2004	7	114.250.000	32.642.856	81.607.144
Máy bế hộp tự động	01/09/2004	7	30.400.000	7.600.005	22.799.995
Màng tráng UV toàn phần khổ 0.8m	23/01/2006	7	120.000.000	7.142.855	112.857.145
Máy in Offset đồng bộ 05 màu Heidelberg	28/11/2002	7	9.275.066.740	3.531.945.408	5.743.121.332
Máy bế Việt Nam khổ 50x80cm	13/09/1998	7	26.400.000	26.400.000	0
Máy bế VN	09/04/1997	7	26.400.000	26.400.000	0
Máy cắt Chang Yong Yung khổ 85	01/01/1994	6	25.600.000	25.600.000	0
Máy in 1 màu Hamada Apollo 57x84	01/01/1998	7	180.000.000	180.000.000	0
Máy in 1 màu Opi 50x65	01/01/1998	7	24.000.000	24.000.000	0
Máy in 2 màu New Komori L237S 65x100	09/01/1997	7	365.000.000	365.000.000	0
Máy in 2 màu Hamada new Apolo GII	07/03/2001	7	309.523.810	232.049.979	77.473.831
Hệ thống sản xuất khăn giấy	03/01/2004	5	1.512.000.000	151.200.000	1.360.800.000
Hệ thống sản xuất túi nhựa	10/01/1999	7	22.661.454.914	13.484.599.450	9.176.855.464
Hệ thống Camera quan sát.	10/01/2001	5	26.626.500	26.626.500	0
Xe nâng hàng	18/12/2002	7	23.809.520	11.666.676	12.142.844
Hệ thống sản xuất hạt màu	09/01/2000	7	2.630.507.400	2.257.764.960	372.742.440
Hệ thống sản xuất $CaCo_3$	01/01/2005	7	3.948.387.481	566.868.048	3.381.519.433
Hệ thống sản xuất chai nhựa	07/01/2005	7	5.065.095.042	367.366.125	4.697.728.917
Cân điện tử tiểu ly	25/02/2003	7	17.821.650	5.304.075	12.517.575
Máy phát điện yanmar - 38KVA	10/06/2003	7	52.028.440	15.484.650	36.543.790
Máy đo độ nhớt Kỹ thuật số 98945-15	15/01/2004	7	37.112.721	11.045.450	26.067.271
Đầu dầu	01/05/2004	5	14.155.000	5.897.925	8.257.075
Thiết bị sản xuất composite	01/10/2004	7	1.746.232.573	360.748.120	1.385.484.453
Xe nâng Komatsu 2.500kg	29/12/2003	7	25.000.000	7.440.475	17.559.525
Xe nâng chạy bằng điện Shinko 1T	02/07/2004	5	37.200.000	14.260.000	22.940.000
Hệ thống sản xuất hạt nhựa tái sinh	01/01/2001	7	372.300.000	312.596.659	59.703.341
Máy nghiền 3 trục KAK	03/02/2001	7	57.000.000	43.411.200	13.588.800
Máy khuấy có bộ điều chỉnh lên xuống	03/02/2001	7	15.000.000	11.424.000	3.576.000
Máy ghi phim dolev 800V	19/05/2003	5	854.571.850	498.500.240	356.071.610
Máy vi tính Power Mac C4 -1.25Ghz	02/06/2003	5	108.109.174	64.865.520	43.243.654
Máy tráng hiện phim EG900 Online Dolev800	17/06/2003	5	172.975.660	100.902.480	72.073.180

TÊN TÀI SẢN	NGÀY MUA	SỐ KỲ KH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ ĐÃ KH	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Hệ thống tách màu Scitex Dolev 800V	07/12/2004	6	383.234.209	95.808.546	287.425.663
Máy tráng phim DL V800V New Static Opt	21/04/2005	7	123.807.500	20.634.586	103.172.914
Máy hiện phim Multiline 860	21/06/1999	10	250.488.900	175.342.272	75.146.628
Máy quét ảnh màu TOPAZ II	21/06/1999	10	584.474.100	409.131.912	175.342.188
Máy tách màu ghi phim Hercules	21/06/1999	10	1.656.009.950	1.159.206.972	496.802.978
Máy đo mật độ phim Gretag D200	11/08/1999	7	45.021.445	43.931.910	1.089.535
UPS 5 KVA ARES (1)	01/03/2001	4	45.529.880	45.529.880	0
UPS 5 KVA ARES (2)	01/03/2001	4	45.529.880	45.529.880	0
Máy Scaner Epson 1600	28/06/2000	5	12.205.330	12.205.330	0
Hộp đựng phim đầu vào	09/05/2001	10	61.239.776	31.130.191	30.109.585
Monitor Sony 19	30/09/2002	3	10.276.460	10.276.460	0
Máy in đa năng SP-84B (TW)	01/01/1994	4	21.651.000	21.651.000	0
Máy vô ruột băng Video Mitsubishi Melscc F20	23/01/1999	7	20.000.000	20.000.000	0
Máy sang disk CD hiệu PLEXTOR	03/09/1998	5	86.299.140	86.299.140	0
Hệ thống thông gió (quạt 54")	03/05/2005	5	118.816.000	25.743.471	93.072.529
Nhà số 11 CMT8 P11	01/01/1998	20	281.394.652	156.140.488	125.254.164
Nhà số 169/8 CMT8 P7	01/01/1998	20	327.421.000	177.096.035	150.324.965
Nhà số 19 CMT8 P11	01/01/1998	20	269.452.000	145.929.007	123.522.993
Nhà số 203-205VTT P11	01/01/1998	20	186.544.000	142.313.739	44.230.261
Nhà số 27PVH P3	01/01/1998	20	509.820.000	355.478.872	154.341.128
Nhà số 284-286 HVT P4	01/01/1998	20	269.200.000	153.181.453	116.018.547
Nhà số 600 CMT8 P15	01/01/1998	20	276.250.000	158.440.466	117.809.534
Nhà số 9CMT8	01/01/1998	10	350.968.303	282.530.697	68.437.606
Nhà xưởng 105AC	01/01/1998	20	550.460.000	309.330.613	241.129.387
Xây dựng mới nhà xưởng 105AC	01/01/1999	25	892.228.520	267.668.550	624.559.970
Nhà xưởng Đông Sơn	01/02/1996	20	321.687.000	166.812.485	154.874.515
Trạm biến thế 105 Âu Cơ 30X50KVA	24/09/1997	7	105.917.000	105.917.000	0
Hệ thống lạnh RD/RC 120 (2)	22/08/2003	7	57.729.450	23.357.320	34.372.130
Hệ thống lạnh RD/RC 100	22/08/2003	7	41.114.513	16.634.942	24.479.571
Máy RICOH COPIER FT 5832	30/11/2002	5	25.226.480	18.078.963	7.147.517
Xe tải 1T4 hiệu KIA FRONTIER	01/07/2003	7	185.219.047	154.287.490	30.931.557
Phần mềm kế toán Fast	01/10/2004	3	77.450.000	43.027.780	34.422.220
Máy in ống đồng 1 màu	23/04/2003	0	23.727.305	0	23.727.305
Xe nâng tay (1)	23/04/2003	0	23.727.305	0	23.727.305
Xe nâng tay (2)	23/04/2003	0	23.727.305	0	23.727.305
Máy nén khí (1)	23/04/2003	0	34.009.138	0	34.009.138
Máy nén khí (2)	23/04/2003	0	34.009.138	0	34.009.138
Máy nén khí (3)	23/04/2003	0	34.009.138	0	34.009.138
Máy nén khí (4)	23/04/2003	0	34.009.138	0	34.009.138
Quyền sử dụng đất Lô II-3 khu CNTB	01/10/2005	18	6.187.950.093	499.527.663	5.688.422.430
Văn phòng làm việc	01/04/2003	10	115.155.000	33.586.875	81.568.125
Nhà xưởng nhà máy ALTA	01/10/2004	20	11.958.029.391	1.002.544.418	10.955.484.973
Giếng khoan công nghiệp	26/02/2003	5	11.723.600	6.838.755	4.884.845
Máy bơm nước (giếng) Rontax 45T 14-12	27/02/2003	5	11.620.000	6.778.345	4.841.655
Trạm biến áp 1x1250KVA + Tụ bù	16/10/2002	7	285.386.666	118.863.535	166.523.131
Hệ thống chống sét	23/06/2003	5	22.759.000	13.276.095	9.482.905

Trình đô công nghê của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành và trên Thế giới:

Trong lĩnh vực in ấn, in offset ngày nay đã trở thành kỹ thuật in phổ biến nhất trong in ấn thương mại(*), các máy móc thiết bị của Công ty được trang bị tương đối đồng bộ, phần lớn là các thiết bị đang được sử dụng thông dụng trong ngành ở trong nước, một số ít là các thiết bị tiên tiến. Khả năng in ấn của Công ty đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước về chất lượng và giá cả. Nhìn chung, trình độ công nghệ của Công ty đạt ở mức khá so với các đơn vị trong ngành và ở mức trung bình thấp trên Thế giới, do việc ứng dụng tự động hoá công nghệ trong in ấn chưa cao.

Trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa, các máy móc thiết bị của Công ty đa số có xuất xứ từ Đài Loan, là những loại máy được sử dụng thông dụng trong ngành tại Việt nam, các máy rời được bố trí thành chuỗi theo quy trình sản xuất, sử dụng nhiều lao động phù hợp với đặc điểm của ngành và điều kiện kinh tế hiện tại ở Việt nam. Sản phẩm của Công ty đáp ứng tốt cho nhu cầu của thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. Nhìn chung công nghệ của Công ty trong sản xuất bao bì nhựa ở mức trung bình của ngành.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, ngành nghề mới.

Công tác nghiên cứu đề xuất cải tiến các sản phẩm hiện có được tiến hành bước đầu tại các đơn vị trực tiếp thực hiện sản xuất sau đó được các phòng chuyên môn thẩm định trước khi và tiến hành triển khai. Việc đề ra các phương hướng nghiên cứu mở rộng ngành nghề hoạt động, lĩnh vực hoạt động mới v.v... do Ban Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp chỉ đạo nghiên cứu và triển khai.

Công ty rất chú trọng đến công tác nghiên cứu cải tiến mẫu mã, chất lượng sản phẩm, học hỏi kinh nghiệm từ các nước để sản xuất ra những loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường. Hoạt động nghiên cứu phát triển của Công ty được tiến hành khá đa dạng, bao gồm:

- Nghiên cứu cải tiến quá trình sản xuất, từ khâu nguyên vật liệu, thực hiện sản xuất đến cung cấp sản phẩm cho khách hàng tiêu thụ và hậu mãi.
- Nghiên cứu cải tiến mẫu mã, kiểu dáng, chất lượng sản phẩm.
- Tìm tòi, học hỏi, ứng dụng những công nghệ kỹ thuật hiện đại vào quy trình sản xuất.

(*) Trong hai thập kỷ gần đây công nghệ in ấn chế bản, chế khuôn in offset tờ rời và in offset giấy cuộn đã có những bước phát triển như vũ bão và đang đứng trước những triển vọng đầy hứa hẹn. Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật công nghệ trong các lĩnh vực: thông tin, điện tử số, hóa học, máy tính, laser, điều khiển từ xa quá trình in theo chương trình đã được lập sẵn... ngày càng được ứng dụng rộng rãi, trong nhiều công đoạn của ngành in, giúp cho công nhân in và những người làm công tác kỹ thuật in hạn chế được sự cố kỹ thuật xảy ra trong quá trình in. Sự không đồng đều mật độ màu mực in trên tờ in và từ tờ in đầu tiên đến tờ in cuối cùng ngày càng được khắc phục có hiệu quả. Việc điều chỉnh và kiểm tra chất lượng sản phẩm in theo chương trình kiểm tra số bằng máy tính, thiết bị quét ghi số mật độ hình ảnh trên bản in, cùng các thiết bị kiểm tra mực in, việc sử dụng máy tính để kiểm tra in ... ngay trên máy in, ngày càng được hoàn thiện và có nhiều chức năng đưa đến cho khách hàng sản phẩm hoàn hảo nhất.

Thời gian từ chế bản tách màu, sắp trang chữ, trang báo, bình ghép khuôn Film, chế khuôn Film, chế khuôn in, in và gia công sau in những sách, tạp chí nhiều màu, sách có trang in lớn ngày càng được rút ngắn, đáp ứng yêu cầu in nhanh, in đẹp của một xã hội thông tin hiện đại. Đặc biệt phương pháp công nghệ chế khuôn "từ máy tính đến bản in" tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu chuẩn hóa quá trình công nghệ in offset. *(Nguồn: Trích dẫn từ các nghiên cứu của các Chuyên gia đầu ngành ở Việt Nam và Thế giới)*

- Mở rộng lĩnh vực kinh doanh mới, ngành nghề mới.

Đối với hoạt động nghiên cứu phát triển, yếu tố con người đóng vai trò rất quan trọng nên Công ty đã chủ động mở rộng hợp tác với các chuyên gia lành nghề trong các lĩnh vực khác nhau nhằm thu hút chất xám đóng góp cho hoạt động nghiên cứu phát triển của Công ty.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty đã mang lại những kết quả khả quan, từ khi cổ phần hoá đến nay, Công ty đã theo sát nhu cầu của thị trường và luôn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Các kết quả thể hiện qua việc Công ty đã đưa vào sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới và mở rộng hoạt động sang lĩnh vực mới như:

- Sản phẩm bao bì tự huỷ: loại sản phẩm mới, sử dụng công nghệ TDPA (Totally Dgradable Plastic Additives- chất phụ gia nhựa có thể phân huỷ hoàn toàn) do tập đoàn EPI (Canada) chuyển giao để sản phẩm nhựa có thể tự phân huỷ (do một hay nhiều tác nhân: nhiệt, nắng, ứng suất cơ học được tăng cường) sau một thời hạn tính toán trước. Sử dụng bao bì nhựa tự phân huỷ thuận tiện cho việc tái chế rác thải thân thiện với môi trường, bảo đảm lợi ích lâu dài cho người tiêu dùng và cộng đồng.

  Ngày 22 tháng 9 năm 2005 Công Ty đã vinh dự được Chủ Tịch Nước Trần Đức Lương đến thăm và tham quan hệ thống sản xuất sản phẩm BAO BÌ TỰ PHÂN HUỶ của Công ty. Trong khi làm việc Chủ Tịch đã cổ vũ hoạt động của Công ty và yêu cầu xã hội cùng Chính Phủ luôn quan tâm đến hoạt động bảo vệ môi trường sống trong quá trình công nghiệp hóa nền kinh tế Đất Nước.
- Hat màu chủ (master batches): là sản phẩm đầu tiên có mặt tại Việt nam được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất sạch nhằm bảo vệ môi trường cho ngành công nghiệp nhựa, thay thế việc sử dụng chất màu dạng bột (pigment) là loại nguyên liệu đang được sử dụng rất độc hại cho môi trường.
- Nguyên liệu nhựa composite resin: là sản phẩm đầu tiên có mặt tại Việt nam, sản phẩm ứng dụng cho các ngành công nghệ kỹ thuật cao, trước đây phải nhập khẩu 100%. Sản phẩm nguyên liệu nhựa composite resin của Alta nay có thể thay thế cho hàng nhập ngoại, với công suất ban đầu 1.500 tấn/năm dưới dạng dung dịch.
- Bao bì mỹ thuật cao cấp: Các loại bao bì cao cấp được làm bằng vật liệu là giấy (có định lượng từ 60 gr/m^2 - 700 gr/m^2) và gỗ chế biến kết hợp với các loại chất liệu trang trí đa dạng. Do đó sản phẩm rất phong phú, đáp ứng các yêu cầu cung cấp cho khách hàng nội địa và hướng tới xuất khẩu sản phẩm ra thị trường quốc tế.
- Trung tâm giải trí thương mại Lạc Hồng: dự án đang được triển khai xây dựng với tổng diện tích 6.454 m^2, khi hoàn thành vào cuối năm 2006 sẽ mở ra cho Công ty một mảng hoạt động mới, là Trung tâm hoạt động văn hoá nghệ thuật và thương mại hiện đại góp phần tích cực vào việc phát triển đời sống văn minh đô thị. Trung tâm là quần thể kinh doanh đa dạng với các hoạt động: siêu thị sách, vật phẩm văn hoá, sản phẩm điện tử,

phòng tổ chức hội nghị, sân khấu kịch và ca nhạc, rạp chiếu phim 3D, nhà hàng cà phê.v.v...

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.

Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000, chứng nhận hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng này đã được tổ chức DNV cấp vào tháng 09 năm 2002. Được tổ chức TÜV cấp giấy tái chứng nhận vào ngày 25 tháng 01 năm 2006. Chứng chỉ này có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2008.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 của Công ty thực hiện bảo đảm quản lý thống nhất toàn bộ quá trình sản xuất và kinh doanh, từ lúc đưa nguyên vật liệu vào đến khi sản xuất ra thành phẩm và cung ứng cho người tiêu dùng. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm đối với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thoả mãn tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty.

Chính sách chất lượng của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc:

- Phát triển Công ty hướng đến khách hàng nhằm xây dựng uy tín thương hiệu Alta.
- Nâng cao sự thoả mãn yêu cầu của khách hàng.
- Cam kết đáp ứng các yêu cầu thường xuyên hiệu lực của hệ thống.

Trong sản xuất, sản phẩm của Công ty được kiểm tra qua quá trình, thực hiện nguyên tắc khâu sau kiểm tra khâu trước, từng người công nhân tham gia sản xuất sẽ kiểm tra đầu vào, và đầu ra công đoạn của mình. Bộ phận KCS được xây dựng để kiểm tra quá trình bên cạnh công nhân và kiểm tra thành phẩm hoàn tất.

Công ty có Ban lãnh đạo chất lượng để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ hệ thống sản xuất của mỗi xưởng sản xuất. Hệ thống máy móc thiết bị được kiểm tra thường xuyên, kịp thời xử lý, khắc phục những hư hỏng phát sinh nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động tốt. Ban lãnh đạo chất lượng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Điều hành đảm nhận nhiệm vụ đảm bảo các quá trình sản xuất và kinh doanh thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn chất lượng do Công ty đề ra.

6.7. Hoạt động Marketing.

a. Quảng bá thương hiệu.

Công ty đẩy mạnh hoạt động quảng cáo thông qua: giới thiệu Công ty qua website với địa chỉ www.alta-vn.com, tham gia các hội nghị, hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm, các chương trình bình chọn thương hiệu và sản phẩm, tham gia các hiệp hội sản xuất, quan hệ cộng đồng .v.v...

b. Sản phẩm.

Sản phẩm và dịch vụ của Công ty được đăng ký chất lượng, đăng ký nhãn hiệu đầy đủ và luôn được khẳng định về chất lượng. Công ty cam kết với khách hàng về chất lượng ổn định của sản phẩm và dịch vụ của mình cũng như luôn hướng đến việc luôn đáp ứng được những đòi hỏi khắc khe nhất của khách hàng để nâng cao vị thế cạnh tranh. Nếu có bất kỳ sự phàn nàn nào của khách hàng về chất lượng sản phẩm hay dịch vụ thì cũng được Công ty xem xét và giải quyết triệt để.

Ngoài ra, Công ty có những dòng sản phẩm độc quyền tại Việt Nam như: Bao bì tự phân hủy, composite resin, bao bì mỹ thuật cao cấp.v.v... đây là những sản phẩm góp phần khẳng định thế mạnh riêng có của Công ty đối với khách hàng cũng như mang lại triển vọng cho hoạt động của Công ty về lâu dài.

c. Chiến lược giá.

Công ty áp dụng chính sách giá thống nhất cho các khách hàng, có linh hoạt theo đặc điểm riêng của từng đối tượng, tùy vào số lượng và tiềm năng của khách hàng. Nhà Phân phối hay Đại lý của Công ty được hưởng tỷ lệ chiết khấu theo giá bán.

d. Thị trường tiêu thụ, kênh phân phối.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu như sau:

- Đối các sản phẩm ngành nhựa, thị trường tiêu thụ là: Châu Âu, Mỹ, Bắc Mỹ, Châu úc, Nhật & các doanh nghiệp trong nước.
- Đối các sản phẩm In ấn, Chế bản, Băng đĩa nhạc, thị trường tiêu thụ là: Khu vực TP.HCM, các tỉnh Miền Đông Nam bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long. Riêng thị trường băng đĩa nhạc được phân phối trên toàn quốc.
- Khăn giấy: được phân phối trên toàn quốc thông qua các kênh bán sỉ & lẻ.
- Đối với ngành hóa chất nhựa, thị trường tiêu thụ là: Singapore, Thailand, Indonesia, Malaisia, VN.

Do đặc thù của Công ty là hoạt động đa ngành nghề, có nhiều loại sản phẩm nên hình thức tổ chức quản lý bán hàng của Công ty theo cả 03 tiêu chí là: đối tượng khách hàng, nhóm sản phẩm, theo vùng thị trường. Thế mạnh lớn nhất của Công ty trong tiêu thụ là có những khách hàng trung thành, truyền thống và ổn định cả ở trong và ngoài nước.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.

a. Thương hiệu của Công ty.

Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hoá cho Logo của Công ty, được Cục sở hữu công nghiệp chứng nhận theo giấy chứng nhận số 14820 cấp theo quyết định số 4142/QĐNH ngày 04/04/1994.

b. Phát minh sáng chế và bản quyền. Chưa có.

6.9. Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết.

STT	HỢP ĐỒNG	NGÀY	TÊN KHÁCH HÀNG	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ TRỊ
THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA						
1	28/HĐĐT	11/1/2005	Nhà Xuất Bản Giáo Dục Tp.HCM	In sách giáo khoa	VND	3.236.990.000
2	040/06HDKT	1/17/2006	Công Ty Thuốc Lá Đồng Tháp	Bao bì	VND	3.345.454.400
3	038/06HDKT	1/12/2006	Nhà Máy Thuốc Lá An Giang	Bao bì	VND	5.563.636.200
4	4/06HĐMBLA	2/10/2006	Nhà Máy Thuốc Lá Long An	Bao bì	VND	3.809.090.950
5	185/06HDKT	4/13/2006	Nhà Máy Thuốc Lá An Giang	In Bao bì	VND	957.161.790
6	POP601324	3/30/2006	Công ty TNHH Nestle Việt Nam	In nhãn	VND	700,000,000
7	015HDNT06	1/1/2006	Công ty TNHH Happy Cook	In nhãn, bao bì các loại	VND	3.000.000.000
8	017HĐNT06	2/15/2006	Công ty Cp Hoá -Dp Mekophar	In ấn	VND	3.000.000.000
9	027HĐNT06	2/15/2006	Công ty TNHH SPM	In ấn	VND	700.000.000
10	029HĐNT06	2/15/2005	XN Dược Phẩm TW 25	In ấn	VND	1.000.000.000
11	031HDNT06	1/1/2006	Công ty TNHH Đông Nam	In nhãn, bao bì các loại	VND	1.500.000.000
12	037HDNT06	1/1/2006	DNTN Quang Long	In nhãn, bao bì các loại	VND	500.000.000
13	042HDNT06	1/1/2006	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ T& H	ấn phẩm, nhãn các loại	VND	1.500.000.000
14	055HDNT06	2/9/2006	Công ty Liên Doanh Lever Việt Nam	Xuất bản phẩm	VND	7.000.000.000
15	91KHKD-OPC	1/26/2006	Công ty Cp Dược Phẩm OPC	In ấn	VND	2.500.000.000
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU						
1	01/NT/2006	1/5/2006	WANDERPAK DEVELOPMENT PTE LTD	Túi xốp, bã màu	USD	3.500.000
2	02/NT/2006	1/10/2006	ORLY ENTERPRISE	Túi xốp	USD	1.550.000
3	03/NT/2006	1/10/2006	B-V-O INTERNATIONAL GMBH	Túi xốp	USD	300.000
4	04/NT/2006	1/15/2006	COMMERCE ELECTRONICS	Túi xốp	USD	150.000
5	05/NT/2006	1/15/2006	MARTYN TODD PACKAGING LTD	Túi xốp	USD	100.000
6	06/NT/2006	1/20/2006	IPAC HAWAII	Túi xốp	USD	100.000

Nguồn: Alta

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG HAI NĂM GẦN NHẤT.

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm gần nhất.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2005	% tăng giảm	06 tháng 2006
1	Tổng giá trị tài sản	133.382.828.008	131.490.408.744	-1,42%	135.367.761.261
2	Doanh thu thuần	160.785.378.973	164.845.780.860	2,53%	69.304.792.688
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.340.095.957	2.543.536.218	8,69%	1.580.751.061
4	Lợi nhuận khác	212.146.782	599.745.774	182,70%	326.795.524
5	Lợi nhuận trước thuế	2.552.242.739	3.143.281.992	23,16%	1.907.546.585
6	Lợi nhuận sau thuế	2.552.242.739	3.143.281.992	23,16%	1.716.791.927
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	52.30%	50.95%	-2,58%	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2004, 2005, quyết toán 06 tháng 2006

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

Thuận lợi.

- Ngành nhựa Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao, tốc độ tăng trưởng năm 2005 so với năm 2004 khoảng 30%.
- Trung Quốc và một số nước khác trong khu vực bị Châu Âu và Mỹ đánh thuế bán phá giá, tạo cơ hội cho các sản phẩm bao bì nhựa sản xuất tại Việt Nam phát triển thị trường.
- Tình hình nội bộ của Công ty ổn định, có sự đoàn kết nhất trí cao. Đây chính là một trong những nhân tố cơ bản quyết định cho hoạt động có hiệu quả.
- Có khách hàng truyền thống tiềm năng với mối quan hệ gắn bó lâu dài. Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được khách hàng tín nhiệm.
- Việc chủ động dự trữ nguyên liệu của Công ty có hiệu quả, tác động làm giảm giá vốn hàng bán trên doanh thu so với năm trước.
- Công ty tiến hành thực hiện quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hơn việc khẳng định uy tín với khách hàng về chất lượng sản phẩm.

Khó khăn.

- Giá nguyên liệu nhập khẩu tăng cao hơn cùng kỳ khoảng 15-30%, trong khi đó giá bán khó tăng theo tương ứng, chính vì vậy cũng tác động nhất định đến kết quả hoạt động của Công ty. Bên cạch đó giá điện có xu hướng tăng cũng tác động làm tăng giá thành sản phẩm của Công ty.
- Sản lượng in ấn của Công ty sụt giảm do sự ra đời của nhiều nhà in tư nhân, có chất lượng in thấp và giá giảm, cạnh tranh giành khách hàng trở nên quyết liệt hơn.

- Các khu công nghiệp tại các địa phương mở ra càng nhiều thu hút lực lượng lao động phổ thông trở về làm việc. Bên cạnh đó do có sự dịch chuyển vốn đầu tư từ nước ngoài vào ngành nhựa tại Việt Nam nên có nhiều công ty mới thành lập, vì vậy cũng thu hút lực lượng lao động phổ thông trong ngành. Kết quả các tác động trên là làm cho việc tìm kiếm lao động bổ sung gia tăng lực lượng công nhân sản xuất khó khăn hơn.

Năm 2005 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, tình hình tài chính lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, nộp ngân sách tăng hơn năm 2004.

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH.

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.

a. Ngành bao bì nhựa.

Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp nhựa đã không ngừng nỗ lực tìm kiếm thị trường để xuất khẩu và đã khá thành công với mặt hàng bao bì. Mặt hàng nhựa Việt Nam hiện đã có mặt ở 30 nước trên Thế giới, với giá trị xuất khẩu trong năm 2005 đạt 380 triệu USD, tăng 37% so với năm 2004. Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam, dự kiến sản lượng xuất khẩu của ngành nhựa trong năm 2006 sẽ đạt khoảng 02 triệu tấn với kim ngạch khoảng 500 triệu USD.

Xuất khẩu nhiều nhất hiện nay là túi xốp với số lượng hàng tỷ sản phẩm. Các doanh nghiệp sản xuất túi xốp lớn của Việt Nam đáng kể là:

- Công ty Bông Sen ở Huyện Bình Chánh là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu túi xốp đi Châu Âu sớm nhất, hiện mỗi năm xuất khoảng 3.600 tấn túi xốp tương đương 1,2 tỷ sản phẩm sang Đức, Thuỵ Sỹ, Pháp, Bỉ .v.v... với tổng kim ngạch khoảng 5 triệu USD.
- Công ty cổ phần văn hoá Tân Bình cũng là nhà sản xuất túi xốp lớn, có sản lượng hàng năm khoảng 3.000 tấn với kim ngạch khoảng 4 triệu USD.

Thị trường sản xuất xuất khẩu túi xốp chủ yếu là các nước như Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Sri Lanca, Thái lan. Tuy nhiên, Trung Quốc, Indonesia có các nhà máy lớn với công suất đến 2.000 - 4.000 tấn/tháng, Việt Nam chỉ có tối đa 500 tấn/ tháng, chính vì vậy giá thành không phải là yếu tố mang lại lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt nam. Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt nam là chất lượng tốt và đáp ứng linh hoạt về điều kiện giao hàng.

b. Ngành in ấn.

Hàng năm, ngành in đạt sản lượng khoảng trên 400 tỷ trang, trong đó tại TP.HCM chiếm 50%. Những đơn vị đứng đầu trong ngành in phải kể đến như: công ty in Trần Phú (sản lượng 40 tỷ trang/năm), công ty in số 07 (sản lượng 5 tỷ trang in)(*) .v.v... Công ty Cổ phần

(*) *Số liệu tổng hợp từ internet.*

Văn hoá Tân Bình là Công ty có công nghệ in trên giấy khá hiện đại, ngoài các ấn bản phẩm phục vụ cho xuất bản và phát hành, Công ty còn sản xuất các ấn phẩm bao bì giấy phục vụ cho nhu cầu bao bì đựng sản phẩm của các Công ty sản xuất (phần lớn là các Công ty trong ngành dược). Công suất đạt khoảng 09 tỷ trang in, sản lượng những năm gần đây đạt gần 03 tỷ trang in.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành.

Theo mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2001- 2010), một số chỉ tiêu cụ thể được thể hiện như sau:

CHỈ TIÊU	2001 - 2005	2006 – 2010
Tăng trưởng bình quân GDP cả nước (%)	7,6 - 8,0	6,6 -7,0
Tăng trưởng bình quân GDP của vùng Đông Nam Bộ (%)	8,0	
Tăng trưởng bình quân Công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ (%)	9,4	

Nguồn: Bộ kế hoạch đầu tư

a. Ngành bao bì nhựa.

Theo các chuyên gia, sự tăng trưởng phát triển của ngành bao bì nhựa gắn liền với sự tăng tưởng của nền kinh tế trong nước và năng lực cạnh tranh quốc tế trong xuất khẩu sản phẩm. Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 7- 8% và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới, do vậy nhu cầu về bao bì nhựa các loại còn tiếp tục tăng trưởng để phục vụ cho nhu cầu trong công nghiệp và tiêu dùng trong nước. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ bao bì nhựa tại các nước tiên tiến cũng là tiềm năng khai thác rất khổng lồ nếu các doanh nghiệp Việt nam vượt qua được giới hạn về khả năng đầu tư năng lực sản xuất để hạ giá thành nhờ quy mô và có sự hỗ trợ bởi nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước.

Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa đến năm 2010 của Bộ Công nghiệp, ngành nhựa Việt Nam đã có được sự tăng trưởng ổn định và lâu dài, trong những năm qua tốc độ tăng trưởng ngành nhựa vẫn giữ vững ở mức 20-25%/năm và dự kiến sẽ giữ vững tốc độ tăng trưởng này cho đến năm 2010. Số liệu về tăng trưởng sản lượng của một số sản phẩm ngành nhựa đến năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: tấn

STT	Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010
1	Sản xuất bao bì	360.000	800.000	1.600.000
2	Sản xuất vật liệu xây dựng	170.000	400.000	900.000
3	Sản xuất sản phẩm nhựa gia dụng	300.000	550.000	900.000
4	Sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cao	120.000	350.000	800.000
	Tổng cộng	**950.000**	**2.100.000**	**4.200.000**

Nguồn: Quy hoạch phát triển ngành nhựa đến năm 2010 của Bộ Công nghiệp

Qua số liệu quy hoạch cho thấy, một số sản phẩm chính của ngành nhựa Việt Nam có mức gia tăng sản lượng khá cao khoảng 20%/năm, trong đó ngành bao bì nhựa mà Alta tham gia được quy hoạch đạt mức tăng trưởng sản lượng bình quân khoảng 25%/năm. Nhìn chung, đối với sản phẩm thuộc nhóm bao bì nhựa, Alta có thị trường tiềm năng để phát triển sản lượng tiêu thụ rất lớn.

b. Ngành in ấn.

Trong lĩnh vực in ấn, theo Mục tiêu Quy hoạch phát triển ngành Xuất bản, In, Phát hành sách của Việt Nam đến năm 2010 như sau:

- Ngành Xuất bản - In - Phát hành sách Việt Nam phát triển theo hướng độc lập, tự chủ, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xuất bản phẩm đa dạng về thể loại, phong phú về nội dung, phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, đáp ứng nhu cầu về xuất bản phẩm ngày càng cao của nhân dân. Phổ biến những sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam với các nước trên thế giới. Tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để giới thiệu với nhân dân trong nước.
- Duy trì nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 15-20% về số đầu sách, 10-15% về trang in. Đến năm 2005 đạt 04 bản sách/người/năm, 485 tỷ trang in tiêu chuẩn, kim ngạch xuất khẩu xuất bản phẩm tăng gấp 1,5 lần so với năm 2000. Đến năm 2010 đạt 06 bản sách/người/năm, 785 tỷ trang in tiêu chuẩn, kim ngạch xuất khẩu xuất bản tăng gấp 02 lần so với năm 2005.
- Phấn đấu đến năm 2010 đưa ngành Xuất bản - In - Phát hành sách Việt Nam vươn lên hàng trung bình khá của Châu Á.

Là Công ty với hơn 15 năm kinh doanh trong lĩnh vực in ấn và bao bì nhựa, có hệ thống thiết bị được đầu tư hoàn chỉnh, đội ngũ nhân viên nhiều tâm huyết, nhiệt tình, có khách hàng truyền thống ổn định và thị trường nhiều tiềm năng, ALTA có cơ sở vững chắc cho việc gia tăng sản lượng và bảo đảm tỷ lệ tăng trưởng theo xu hướng tăng của thị trường trong tương lai.

8.3. Tầm nhìn và chiến lược phát triển của Công ty.

a. Tầm nhìn.

- Định hướng:
  - Triết lý kinh doanh của Công ty là "Tín Nghĩa", ALTA luôn là người bạn liên kết chân thành trong kinh doanh, luôn tôn trọng lợi ích của Bạn hàng, của cổ đông, của nhân viên và của cộng đồng một cách hài hoà. Công ty là luôn hướng tới bạn hàng, luôn cố gắng đưa vào thị trường những sản phẩm và dịch vụ có giá trị và chất lượng, để đáp ứng những mong đợi của bạn hàng, mọi thành viên của Công ty luôn hành động hiệu quả nhất phục vụ theo yêu cầu của bạn hàng.
  - ALTA tiếp tục duy trì vị thế là một doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu có uy tín về ấn phẩm và bao bì thương mại, bao bì quảng cáo cao cấp đa chất liệu, đặc biệt đi đầu sản xuất bao bì tự phân hủy và các sản phẩm thân thiện với môi trường được khách hàng trong và ngoài nước công nhận. Đồng thời hướng tới lĩnh vực hoạt động kinh doanh giải trí phục vụ đại chúng và sẽ phát triển thành một doanh nghiệp mạnh trên lĩnh vực này.

- ALTA sẽ trở thành đối tác ưu tiên, trung thực và thành công lâu dài với bạn hàng, với đồng nghiệp, với cổ đông và với nhân viên.
- Khuynh hướng kinh doanh của Công ty là luôn linh hoạt và mềm dẻo, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của thị trường, chấp nhận và nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, trở ngại thách thức đồng thời luôn tận dụng mọi cơ hội phát triển và vươn lên hoàn thành xuất sắc mục tiêu đã đề ra.

▪ Giá trị tạo lập:

- Sự chính trực: ALTA tôn trọng và đánh giá cao sự đối nhân xử thế theo phương châm "mình vì mọi người, mọi người vì mình" ở bên trong cũng như bên ngoài Công ty. ALTA chân thành trong hành động và ý định của mình "ALTA luôn là người bạn liên kết chân thành" với mọi đối tác.
- Liên tục đổi mới: Mọi thành viên Công ty học tập và làm việc với nhận thức rằng không thể yên lòng với tình trạng kinh doanh hiện tại và sự trưởng thành cá nhân, ALTA sẵn sàng đi tiên phong vào những hướng kinh doanh mới và những cơ hội mới, ALTA cổ vũ sự sáng tạo, phối hợp đồng bộ và thống nhất hành động trong Công ty.
- Cam kết chất lượng: ALTA cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo ngay từ lần đầu tiên và không ngừng thoả mãn nhu cầu cũng như những lợi ích chính đáng của bạn hàng, đồng thời cam kết tạo lập những giá trị kinh tế tốt nhất cho cổ đông.

▪ Nhiệm vụ:

Công ty cố gắng để giành được vị trí hàng đầu trên thị trường sản phẩm mà mình đã chọn phục vụ với chất lượng hoàn hảo bằng sự sáng tạo và luôn luôn cải tiến.

- Đối với bạn hàng hiện hữu và tương lai: Công ty có chủ đích thiết lập quan hệ lâu dài với mọi bạn hàng cho dù cung ứng theo trình độ tiêu chuẩn của Công ty hay theo thiết kế thích hợp của bạn hàng, Công ty luôn tìm gặp những yêu cầu riêng biệt đó thông qua sự tư vấn sẵn sàng kỹ thuật thông thạo và linh hoạt.
- Đối với nhân viên và thành viên Công ty: Nhân viên là nguồn lực giá trị của Công ty, vì thế Công ty chú ý tuyển dụng và giữ nhân viên có chất lượng cao như một hướng đầu tư rất quan trọng cho tương lai. Thành công của Công ty đặt nền tảng trên kiến thức, động lực và phẩm chất nhân bản của nhân viên. Mọi người đều được tôn trọng vì sự đóng góp cho sự thành công của Công ty. Công ty luôn coi trọng sự hài lòng đối với công việc - phát triển cá nhân, sự sáng tạo, trình độ chuyên nghiệp, làm việc theo nhóm và cung cấp môi trường làm việc an toàn, đồng thời đảm bảo lợi ích lâu dài cho mọi thành viên.
- Đối với những đối tác khác: Sự thành công của Công ty cũng được xác định bởi phát triển sự hợp tác xây dựng và bền vững với mọi đối tác tin cậy.

Công ty liên tục xây dựng và phát triển thương hiệu bằng cách tạo ra sự khác biệt về chất lượng, về giá trị và về tên tuổi sản phẩm ALTA trên thị trường với tư duy, với hành động và với tầm nhìn riêng. Thương hiệu ALTA phải luôn được củng cố vững vàng trước những thay đổi, thích ứng với thị trường, sẵn sàng vượt qua mọi rủi ro thử thách, trưởng thành và hướng tới tương lai.

Xây dựng văn hoá Công ty " Lấy con người là trung tâm", "Những giá trị nền tảng của Công ty xác định quan điểm và hành vi cho tập thể (các thành viên trong Công ty) hướng tới bạn hàng, đối tác và đồng nghiệp. Tất cả thành viên kết hợp tạo thành một ê kíp kinh doanh có văn hoá chung để qua đó có thể chia sẻ kiến thức và có thể học tập lẫn nhau trong công việc, trong ứng xử và phong cách quản lý theo tri thức tiên tiến. ALTA được phục vụ bởi những nhân cách đa dạng, cùng góp sức vào Công ty bằng cá tính, sự sáng tạo và chất lượng chuyên môn của mỗi người kết hợp lại tạo thành nét văn hoá Công ty và phát triển nó một cách năng động hơn. Mọi thành viên Công ty không chỉ suy nghĩ theo trật tự của tổ chức hay theo những đặc trưng riêng của Công ty mà còn tin tưởng rằng nên để công việc luôn trở nên vui vẻ với mọi người và mọi người gắn bó với Công ty. Không chỉ liên hệ đơn thuần với bạn hàng mà tất cả còn phải xây dựng mối quan hệ lâu dài với họ ". *(Nguồn: Alta)*

b. Chiến lược phát triển.

- Chiến lược thị trường:

  Trong bối cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, việc hội nhập với thế giới ngày càng cần thiết và tất yếu, chính vì vậy Công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để củng cố và phát triển doanh nghiệp. Mục tiêu của Công ty trong những năm tới là nâng cao năng lực sản suất của Công ty với các sản phẩm hiện tại, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển các đối tượng các khách hàng mới. Duy trì hướng phát triển Công ty theo hướng đa ngành nghề, mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của Công ty sau này.

- Chiến lược phân phối:

  Chiến lược phân phối của Công ty là đặt chân tới tận cửa nhà phân phối và tận xưởng sản xuất để cung ứng các sản phẩm mà họ đã sản xuất, đã phân phối hoặc chưa. Công ty thiết lập mối quan hệ kinh doanh với bạn hàng đã có kinh nghiệm về dịch vụ bán hàng về các sản phẩm của Công ty. Công ty luôn giới thiệu chào bạn hàng của mình những sản phẩm có giá trị cộng thêm và những sản phẩm mới của do Công ty nghiên cứu đổi mới hoặc do đầu tư mang lại.

  Đối với thị trường nội địa: từ nay đến 2010 Công ty kinh doanh ấn phẩm, bao bì, phụ gia nguyên liệu ngành nhựa và các sản phẩm khác.v.v... hướng đến các nhà phân phối và nhà sản xuất tập trung tại thị trường khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, miền Đông Nam Bộ và

Đồng bằng Sông Cửu Long. Từ 2010 - 2015, Công ty phân phối mở rộng ra thị trường miền Trung và miền Bắc.

Đối với thị trường xuất khẩu: Công ty tập trung bán các loại sản phẩm bao bì đa chất liệu hướng vào các nhà phân phối tại thị trường Châu Âu, Châu úc và Bắc Mỹ. Các loại phụ gia ngành nhựa xuất khẩu tập trung vào thị trường Đông Nam á và các nước Trung nam mỹ và Châu phi.

- Chiến lược giá:

  Trên thị trường luôn có một số công ty cạnh tranh về giá cả. Mặc dù vậy, chiến lược giá của Công ty nhằm cạnh tranh về đẳng cấp sản phẩm chứ không chú trọng vào hạ thấp giá bán. Công ty dựa vào những lợi thế kinh doanh riêng biệt của mình để cạnh tranh. Công ty bán hàng trên cơ sở chất lượng làm ra bởi dây chuyền sản xuất đồng nhất nên giá cả sẽ được định ra ở mức phù hợp có căn cứ vào nhu cầu của thị trường.

- Chiến lược nguồn nhân lực:

  Nhân tố con người chiếm phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công và phát triển của doanh nghiệp. Do đó kế hoạch chiến lược nguồn nhân lực của Công ty sẽ tập trung vào:

  - Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển chọn và đào tạo để từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.
  - Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.
  - Cải tiến cơ cấu tổ chức, chế độ lương, thưởng, phúc lợi nhằm xây dựng sự phối hợp tốt trong tác nghiệp giữa các bộ phận, sử dụng lao động hợp lý, thúc đẩy sáng tạo, tăng năng suất lao động, tăng cường phúc lợi tinh thần và vật chất cho cán bộ công nhân viên.
  - Tạo điều kiện cho mọi người lao động trong Công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của Công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ thực sự và luôn gắn bó.

- Giải pháp chiến lược:

  - Tái cấu trúc Công ty một cách toàn diện về cơ cấu kinh doanh theo hướng cân bằng sản xuất và thương mại - dịch vụ. Về tổ chức bộ máy và nhân sự, theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp. Về nguồn lực tài sản và tài chính, sử dụng theo hướng khả dụng tối ưu, lành mạnh và sinh lợi cao. Ngoài ra, Công ty đồng thời tăng cường kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động vận doanh của Công ty, bảo đảm thực hiện thành công mọi định hướng và mục tiêu đã đề ra.
  - Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Công ty với giải pháp quản trị tích hợp nhằm tự động hóa và hợp lý hóa việc quản lý tài chính, quản lý chuỗi cung ứng và quản lý quan hệ bạn hàng... giúp cho Công ty hoạt động thành công hơn.

- Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ kỹ thuật theo chiều sâu để gia tăng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm hiện hữu và sản xuất những loại sản phẩm mới thân thiện với môi trường.
- Liên kết và hợp tác chiến lược với Tổng Công ty LIKSIN nhằm huy động từ hai phía tiềm năng nội lực và cơ hội hiệp lực kinh doanh về sản phẩm, thị trường và đầu tư hướng tới sự thịnh vượng chung, đoàn kết và cùng phát triển.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/06/2006 là 450 lao động trong đó 350 lao động hợp đồng dài hạn, 100 lao động thời vụ, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
Đại học	32	7,11%
Cao đẳng	24	5,33%
Trung cấp	20	4,44%
Phổ thông trung học	196	43,56%
Trung học cơ sở trở xuống	178	39,56%
TỔNG	**450**	**100,00%**

Nguồn: Alta

9.2 Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp.

a. Chính sách đào tạo.

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên là cán bộ Quản lý, Quản đốc, Tổ trưởng sản xuất và các nhân viên nghiệp vụ. Công tác đào tạo hàng năm được thực hiện theo hai phương thức là đào tạo nội bộ và cử đi học ở bên ngoài.

Chi phí đào tạo được hạch toán vào chi phí sản xuất. Trung bình hằng năm chí phí này khoảng 40-50 triệu đồng. Riêng năm 2005 Công ty đã tổ chức 9 khoá đào tạo nội bộ và 20 khoá đào tạo bên ngoài. Người lao động có thâm niên từ 03 năm công tác tại Công ty sẽ được Công ty hỗ trợ từ 50-100% học phí khi đào tạo nâng cao nghiệp vụ.

b. Chính sách lương, thưởng.

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Chính sách lương của Công ty phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc

tập thể có tinh thần thái độ làm việc tích cực, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ phúc lợi, các chế độ về thai sản bảo hiểm tai nạn lao động .v.v... cho người lao động theo Luật lao động. Công ty luôn tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động như trang bị bảo hộ lao động, quần áo, nón.v.v... thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt cộng đồng cho người lao động.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Năm tài chính 2004, Công ty trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 10% tính trên mệnh giá, với tổng số tiền phải trả cổ tức là 1.334.700.000 đồng chiếm 52,30% trong tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty. Năm tài chính 2005, Công ty trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 12% tính trên mệnh giá, với tổng số tiền phải trả cổ tức là 1.601.640.000 đồng chiếm 50,95% trong tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty.

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, xác định trên cơ sở thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Số năm khấu hao cho từng nhóm tài sản như sau:

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

Nhà xưởng, vật kiến trúc:	05 -20 năm
Máy móc, thiết bị:	05 -10 năm
Phương tiện vận tải:	05 -07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 -07 năm
Phần mềm kế toán	03 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn 48 năm	

b. Mức lương bình quân.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2005 là 1.454.705 đồng/người. Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty 06 tháng năm 2006 là 1.1.536.430 đồng/người. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2004-2005, và quyết toán 06 tháng 2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định.

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1328/UB-CNN ngày 20/04/2001 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất.

Căn cứ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4762/UB-CN ngày 26/12/2001 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh, mức thuế suất Thuế TNDN của Công ty là 20% do thực hiện di dời vào khu Công nghiệp.

Căn cứ công văn số 14727/CT-TTHT của Tổng cục thuế TP.Hồ Chí Minh ngày 06 tháng 12 năm 2005 V/v miễn giảm thuế TNDN, theo đó Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình thực hiện theo Quyết định số 214/QĐ-UB ngày 14/01/2003 của Uỷ ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc di dời Công ty ra khỏi khu đô thị đến Khu Công nghiệp Tân Bình nên được miễn Thuế TNDN 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 02 năm tiếp theo. Do đó năm 2004 và năm 2005 Công ty được miễn Thuế TNDN và sẽ được giảm 50% Thuế TNDN trong năm 2006 và 2007.

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2004, 2005, số dư Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm 2004 là 462.247.713 đồng. Trong năm 2004, Công ty không phát sinh thêm Thuế thu nhập doanh nghiệp do được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do di dời vào khu công nghiệp. Năm 2005, phát sinh thêm thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung sau đợt duyệt quyết toán thuế năm 2002 và 2003 là 285.856.003 đồng. Nguyên nhân Công ty nộp chậm thuế (khoản nợ thuế 462.247.713 đồng) là do từ năm 2003 đến 2005 là giai đoạn Công ty di dời sản xuất vào Khu Công nghiệp Tân Bình với tổng vốn đầu tư của Dự án là 80.400.000.000 đồng và mới bắt đầu ổn định sản xuất, Công ty tập trung mọi nguồn vốn cho dự án. Năm 2006 Công ty đã chủ động gởi công văn xin Cục Thuế Tp.HCM cho Công ty được chậm nộp thuế và Cục Thuế đã nhận. Tính đến thời điểm này, Công ty đã nộp ngân sách dứt điểm số thuế nói trên, tổng số Công ty đã nộp là 500.000.000

đồng (năm trăm triệu đồng). Như vậy, số thuế Công ty còn phải nộp là 248.103.716 đồng. Theo kế hoạch đã được duyệt, Công ty sẽ trả dứt điểm chậm nhất là tháng 12 năm 2006. Ngoài ra, tính đến 31/08/2006, số thuế GTGT Công ty đang chờ hoàn thuế là 1.124.056.211 đồng. Do đó, xét trên cân đối chung Công ty có số dư nợ thuế ngân sách Nhà nước là số âm.

e. Trích lập các quỹ.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của năm 2003, 2004 và 2005 như sau:

Đơn vị tính: đồng

CÁC QUỸ	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
Quỹ dự phòng tài chính	1.289.074.548	1.510.181.837	1.741.890.434
Quỹ đầu tư và phát triển	526.026.547	526.026.547	526.026.547
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	300.619.958	471.209.203	536.017.156
TỔNG CỘNG	**2.115.721.053**	**2.507.417.587**	**2.803.934.137**

Nguồn: trích Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005

f. Tổng dư nợ vay:

Tại thời điểm 30/06/2006, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: 42.758.925.616 đồng, trong đó:

TÊN NGÂN HÀNG CHO VAY	DƯ NỢ GỐC	
	VNĐ	USD TƯƠNG ỨNG
1. VAY NGẮN HẠN VNĐ.	**22.802.242.310**	
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển TP. HCM	10.887.292.737	
Ngân Hàng Ngoại Thương TP.HCM	3.911.146.302	
Ngân Hàng Công Thương CN 12	7.503.872.056	
Ngân Hàng Thương mại CP Quân Đội	499.931.215	
2. VAY NGẮN HẠN USD.	**15.895.694.307**	**1.003.324**
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển TP. HCM.	5.771.483.621	365.005.00
Ngân Hàng Ngoại Thương TP.HCM	9.987.222.999	629.345.00
Ngân Hàng Công Thương CN 12	136.987.687	8.974.32
3. VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ VNĐ.	**2.255.176.000**	
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển TP. HCM	2.255.176.000	
4. VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ USD.	**1.805.812.999**	**113.752.00**
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển TP. HCM	605.250.250	38.126.00
Ngân Hàng Ngoại Thương TP.HCM	952.499.999	60.000.00
Ngân Hàng Công Thương CN 12	248.062.750	15.626.00
TỔNG CỘNG	**42.758.925.616**	**1.117.076**

Nguồn: Alta

- Vay và nợ dài hạn: 46.327.466.116 đồng, trong đó:

TÊN NGÂN HÀNG CHO VAY	DƯ NỢ GỐC	
	VNĐ	USD TƯƠNG ỨNG
1. VAY DÀI HẠN VNĐ	**28.428.895.158**	
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển TP. HCM:	5.471.545.217	
Ngân Hàng á Châu	1.800.000.000	
Quỹ đầu tư phát triển đô thị	2.300.000.000	
Huy động vốn	18.857.349.941	
2. VAY DÀI HẠN USD	**6.800.358.458**	**427.169.98**
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển TP. HCM:	3.702.002.958	231.997.98
Ngân Hàng Ngoại Thương TP.HCM:	1.858.168.750	117.050.00
Ngân Hàng Công Thương CN 12:	1.240.186.750	78.122.00
3. NỢ DÀI HẠN	**11.098.212.500**	
Công ty Wanderpak	11.098.212.500	
TỔNG CỘNG	**46.327.466.116**	**427.170**

Nguồn: Alta

g. Tình hình công nợ hiện nay.

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2004		Năm 2005		06 tháng 2006	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu từ khách hàng	18.045	-	18.821	-	13.940	-
Trả trước cho người bán	1.057	-	299	-	2.532	-
Phải thu khác	3.472	-	1.247	-	1.180	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(235)	-	(235)	-	(235)	-
TỔNG CỘNG	**22.340**		**20.133**	-	**17.418**	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005, quyết toán 2006

- Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2004		NĂM 2005		06 THÁNG 2006	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	**69.028**	-	**66.584**	-	**66.940**	-
Vay và nợ ngắn hạn	41.277	-	44.247	-	42.759	-
Phải trả cho người bán	16.981	-	12.469	-	13.710	-
Người mua trả tiền trước	1.958	-	1.363	-	910	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.037	-	1.545	-	918	-
Phải trả công nhân viên	868	-	1.002	-	518	-
Chi phí phải trả	67	-	123	-	165	-
Phải trả khác	5.839	-	5.834	-	7.960	-
Nợ dài hạn (Vay và nợ dài hạn)	**43.961**	-	**42.868**	-	**46.327**	-
TỔNG	**112.989**	-	**109.451**	-	**113.268**	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005

h. Giải thích chênh lệch số liệu báo cáo kiểm toán cuối kỳ năm 2004 và đầu kỳ năm 2005.

Năm 2005, Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán mới ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài Chính và được hướng dẫn thực hiện theo Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005. Do vậy, căn cứ theo chuẩn mực kế toán số 21 về trình bày Báo cáo tài chính thì số liệu chi tiết các khoản mục trong Bảng cân đối kế toán vào đầu kỳ của báo cáo kiểm toán năm 2005 có sự thay đổi so với số cuối kỳ của báo cáo kiểm toán năm 2004. Những sự thay đổi và nguyên nhân cụ thể như sau:

- "Các khoản phải thu":

  "Các khoản phải thu" theo số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là 20.334.711.814 đồng, "Các khoản phải thu" theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005 là 22.339.909.841 đồng, tăng 2.005.198.027 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2004, do các nguyên nhân sau:

  - Chuyển tài khoản "Tạm ứng" trong khoản mục "Tài sản lưu động khác" sang tài khoản "Các khoản phải thu khác" là: 1.937.107 đồng.
  - Chuyển tài khoản "Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn" trong khoản mục tài sản lưu động khác sang tài khoản "Các khoản phải thu khác" là 2.003.260.920 đồng.

- "Tài sản lưu đông khác":

  "Tài sản lưu động khác" theo số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là 2.026.594.044 đồng, "Tài sản ngắn hạn khác" theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005 là 21.396.017 đồng, giảm 2.005.198.027 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là do các nguyên nhân đã được đề cập tại mục "các khoản phải thu".

- "Tài sản cố đinh":

  "Tài sản cố định" theo số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là 56.498.142.791 đồng, "Tài sản cố định" theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005 là 63.062.803.500 đồng, tăng 6.564.660.709 đồng là do: chuyển tài khoản "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" sang khoản mục "Tài sản cố định".

- "Nơ ngắn han":

  "Nợ ngắn hạn" theo số liệu kiểm toán cuối năm 2004 là 68.935.834.667 đồng, "Nợ ngắn hạn" theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005 là 69.027.943.705 đồng, tăng 92.109.038 đồng là do các nguyên nhân sau:

  - Gộp 02 tài khoản "Vay ngắn hạn" là 33.691.989.121 đồng và tài khoản "Nợ dài hạn đến hạn trả" là 7.584.772.228 đồng trong số liệu kiểm toán cuối kỳ năm 2004 thành tài khoản "Vay và nợ ngắn hạn" trong khoản mục "Nợ ngắn hạn" là 41.276.761.349 đồng theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005.
  - Tăng khoản mục "Nợ ngắn hạn" 67.423.028 đồng do chuyển tài khoản "Chi phí phải trả" trong khoản mục "Nợ khác" sang khoản mục "Nợ ngắn hạn".

- Tăng khoản mục "Nợ ngắn hạn" 24.686.010 đồng do chuyển tài khoản "Tài sản thừa chờ xử lý" từ khoản mục "Nợ khác" sang tài khoản "Phải trả phải nộp khác" trong khoản mục "Nợ ngắn hạn".

- "Nợ dài hạn": Gộp 02 tài khoản "Vay dài hạn" là 32.957.948.862 đồng và tài khoản "Nợ dài hạn" là 11.003.134.900 đồng trong số liệu kiểm toán cuối kỳ năm 2004 thành tài khoản "Vay và nợ dài hạn" trong khoản mục "Nợ dài hạn" là 43.961.083.762 đồng theo số liệu kiểm toán đầu năm 2005.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2005	6 tháng 2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
– Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,988	1,017	1,081
– Hệ số thanh toán nhanh	0,393	0,385	0,317
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
– Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,847	0,832	0,837
– Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	5,540	4,966	5,125
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
– Vòng quay tổng tài sản	1,205	1,254	0,512
– Vòng quay tài sản cố định	2,550	2,628	1,141
– Vòng quay vốn lưu động	2,358	2,434	0,958
– Vòng quay các khoản phải thu	7,197	8,188	3,989
– Vòng quay các khoản phải trả	5,489	6,879	2,568
– Vòng quay hàng tồn kho	3,707	3,647	1,214
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,587	1,907	2,477
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	1,913	2,391	1,268
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	12,515	14,262	8,027
– Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	1,543	1,455	2,281

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

a. Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU

- Chức vụ hiện tại: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc, Phó Bí Thư Chi ủy Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1953
- Nơi sinh: Xã Xuân Thu, Huyện Đa Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: 14 Cách Mạng Tháng 8, P5, Quận Tân Bình, TP.HCM.

- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8162 884.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành ngoại thương, Cử nhân Chính trị.
- Quá trình công tác:
  + 1972 -1975: Nhân viên Ban Mặt Trận Thanh Niên Thành Đoàn SGGĐ
  + 1975 -1976: Ủy viên BCH Xã Đoàn Tân Sơn Hòa, Bí thư Phường Đoàn CH1
  + 1976 - 1979: Ủy viên BCH Quận Đoàn Tân Bình, Bí Thư Phường Đoàn 8
  + 1979-1984: Ủy viên thư ký, Phó Chủ Tịch, Q.Chủ Tịch UBND P8, QTB
  + 1984- 1989: Phó Chủ Nhiệm, Chủ Nhiệm Trung Tâm Dịch Văn Hóa Q.TB
  + 1989 -> đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty Văn Hóa và Dịch Vụ Tổng Hợp Tân Bình nay là Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình.
- Số cổ phần nắm giữ: 586.050 cổ phần

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 128.850 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 457.200 Cổ phần (đồng Đại diện vốn Nhà nước với Bà Lại Thị Hồng Điệp)
- Chức vụ hiện tại: .
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

  Con Hoàng Minh Anh Tài số cổ phần nắm giữ: 11.000 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 128.850 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

b. Bà LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP

- Chức vụ hiện tại: Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình.
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/02/1961
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 84/A8 Nguyễn Kiệm, P3, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8162 884
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Cử nhân QTKD.
- Quá trình công tác:
  + 1985-1989: Kế toán Trung Tâm Dịch Vụ Văn Hóa -Tân Bình

+ 1989- 02/2001: Kế Toán trưởng Công ty Văn Hóa và Dịch Vụ Tổng Hợp Tân Bình nay là Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

+ 3/2001 - 3/2006: Giám Đốc Tài Chính

+ 4/2006 -> nay: Giám Đốc Điều Hành

– Số cổ phần nắm giữ: 531.230 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 74.030 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 457.200 cổ phiếu. (đồng Đại diện vốn Nhà nước với ông Hoàng Văn Điều)

– Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
– Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.
– Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu;

Em Lại Thế Tiến số cổ phần nắm giữ: 19.880 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 74.030 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

c. Ông TRỊNH VIỆT HẢI

– Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, Giám đốc XN bao bì cao cấp Công ty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình.
– Giới tính: Nam
– Ngày tháng năm sinh: 20/8/1962
– Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh.
– Quốc tịch: Việt Nam
– Dân tộc: Kinh
– Quê quán: Hà Tây.
– Địa chỉ thường trú: 323B/15 Đào Duy Anh,P9, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.
– ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8615 199
– Trình độ văn hóa: 12/12
– Trình độ chuyên môn: Thiết kế mỹ thuật
– Quá trình công tác:

+ 1991-1993: Nhân viên Công ty Liksin.

+ 1994 -> đến nay: Phụ tránh Cửa hàng Thiết kế ALTA Công ty Văn Hóa và Dịch Vụ Tổng Hợp Tân Bình nay là Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

Trưởng phòng Quảng cáo và Thiết kế ALTA.

Giám đốc XN bao bì cao cấp.

– Số cổ phần nắm giữ: 18.040 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 18.040 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

– Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
– Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 18.040 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

d. Ông NGUYỄN VĂN NGẠN

- Chức vụ hiện tại: Uỷ viên Hội đồng quản trị, Quản đốc xưởng in sách văn học nghệ thuật Công ty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/07/1961
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: DB20 Bàu Cát 6, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8428434 - 0903826829
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kỹ thuật In.
- Quá trình công tác:

  + Năm 1992 -> nay: Công tác tại Công ty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình.
- Số cổ phần nắm giữ: 34.380 cổ phần.

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 34.380 cổ phần

  + Đại diện sở hữu : Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

  Vợ Nguyễn Thị Ngoạn số cổ phần nắm giữ: 6.120 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 34.380 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

e. Ông LA THẾ NHÂN

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/08/1961
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 339/24B Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp. HCM.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8162 675 - 0903808673
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Bác sỹ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh

- Quá trình công tác:

  + Năm 1987 -> nay: Bác sỹ Phó trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Nhân dân Gia Định

- Số cổ phần nắm giữ: 32.000 cổ phần

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 32.000 cổ phần.

  + Đại diện sở hữu: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

  Vợ Trần Thị Thu Anh số cổ phần nắm giữ: 28.470 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 32.000 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

f. Bà THÁI THỊ PHƯỢNG

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám Đốc XN in Tổng hợp ALTA Công ty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình.
- Giới tính: Nữ.
- Ngày tháng năm sinh: 02/04/1965
- Nơi sinh: Quảng Ngãi.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi.
- Địa chỉ thường trú: 168A Nghĩa Phát, Phường 7. Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8428 091
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản Trị Kinh Doanh (đang học).
- Quá trình công tác:

  + 1993 - 1994: Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty ALTA

  + 1994 - 1996: Nhân viên Kế Toán, Quản đốc PX In Tổng Hợp XN In TB

  + 1997 - 2001: Quản đốc PX In Tổng Hợp XN In TB, Giám đốc TT Băng nhạc Trùng Dương

  + 2002 -> nay: Giám đốc XN In Tổng Hợp ALTA.

- Số cổ phần nắm giữ: 13.220 cổ phần.

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 13.220 cổ phần

  + Đại diện sở hữu: Không có.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 13.220 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

12.2. Thành viên Ban kiểm soát

a. Bà LÝ THỊ BÍCH

- Chức vụ hiện tại: Chuyên viên Chi cục Tài chính Doanh nghiệp- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình.
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1956
- Nơi sinh: Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 09 Công trường Lam Sơn, P.Bến Nghé, Quận 1, TP HCM.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 9326 268
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính.
- Quá trình công tác:
  + 1980 -1990: Chi cục Thu quốc doanh Tp. HCM
  + 10/1990 - 1995: Phòng tài vụ 1, Sở Tài chính Tp.HCM
  + 10/1995 - 1999: Cục Quản lý vốn Tp.HCM
  + 1999 -> nay: Chi cục Tài chính Doanh nghiệp Tp.HCM.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 5.000 cổ phần
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần
  + Đại diện sở hữu: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 5.000 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

b. Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG

- Chức vụ hiện tại: Phó Ban Kiểm soát, Nhân viên kế toán Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình.
- Giới tính: Nữ.
- Ngày tháng năm sinh: 17/02/1960
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam.
- Địa chỉ thường trú: 3/2A Cách Mạng Tháng 8,P5,Quận Tân Bình, TP.HCM.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8162 884
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kinh tế Kế hoạch.

- Quá trình công tác:

  + 1983-1989: Nhân viên Phát hành sách Quận Tân Bình

  + 1990- 2006: Nhân viên Kế toán Công ty Văn Hóa và Dịch Vụ Tổng Hợp Tân Bình nay là Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình.

- Số cổ phần nắm giữ: 1.120 cổ phần.
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1.120 cổ phần
  + Đại diện sở hữu : Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 1.120 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

c. Ông LÊ VĂN SANG

- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát, Trưởng phòng Kế Hoạch -Tổng Hợp Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/08/1970
- Nơi sinh: Xã Đức Nhuận -Huyện Mộ Đức -Tỉnh Quảng Ngãi.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đức Nhuận -Huyện Mộ Đức -Tỉnh Quảng Ngãi.
- Địa chỉ thường trú: Xã Đức Nhuận -Huyện Mộ Đức -Tỉnh Quảng Ngãi.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8162 884
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành kế toán.
- Quá trình công tác:

  + 4/1995 - 1997: Tổ trưởng tổ Kế Toán Tổng Hợp Công ty Văn Hóa và Dịch Vụ Tổng Hợp Tân Bình nay là Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

  + 1998 - 2000: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

  + 2001- 6/2002: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

  + 7/2002 - 2004: Phó phòng Kế toán -Tài Vụ Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

  + 2005- 3/2006: Trưởng phòng Kế toán - Tài Vụ Công ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

  + 4/2006 -> đến nay: Trưởng phòng Kế Hoạch -Tổng Hợp

- Số cổ phần nắm giữ: 2.580 cổ phần.
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.580 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : Không có.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 2.580 cổ phần đang nắm giữ trong vòng 03 năm kể từ ngày niêm yết.

12.3. Ban Giám đốc

a. Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc
- Lý lịch chi tiết được nêu ở trên.

b. Bà LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP

- Chức vụ hiện tại: Giám đốc Điều hành
- Lý lịch chi tiết được nêu ở trên.

13. TÀI SẢN

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 30/06/2006:

Đơn vị tính: đồng

stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**86.917.774.334**	**50.864.236.505**	**58,52%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	18.191.206.845	14.347.779.204	78,87%
2	Máy móc thiết bị	68.113.743.242	36.292.982.015	53,28%
3	Phương tiện vận tải	271.228.567	139.901.360	51,58%
4	Dụng cụ quản lý	341.595.680	83.573.926	24,47%
II	**TSCĐ vô hình**	**6.265.400.093**	**5.729.298.800**	**91,44%**
	TỔNG CỘNG	**93.183.174.427**	**56.593.535.305**	**60,73%**

Nguồn: ALTA

Chi tiết nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty đến thời điểm 30/06/2006.

Đơn vị tính: đồng

TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	DT KHUÔN VIÊN	DT SỬ DỤNG
Nhà xưởng ALTA (KCNTB)	11.693.117.815	10.000 m^2	9.416 m^2
Nhà Rạp Đại Lợi 91 B Phạm văn Hai	2.361.640.000	1.937 m^2	đang xây dựng mới
Nhà số 11 CMT8	281.394.652	76 m^2	238 m^2
Nhà số 169/8 CMT8	327.421.000	136 m^2	219 m^2
Nhà số 19 CMT8	269.452.000	71 m^2	297 m^2
Nhà số 203-205 Võ Thành Trang	186.544.000	330 m^2	300 m^2
Nhà số 27 PVHai	509.820.000	157 m^2	509 m^2
Nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ	269.200.000	152 m^2	264 m^2
Nhà số 600 CMT8	276.250.000	273 m^2	356 m^2
Nhà số 9CMT8	350.968.303	86 m^2	331 m^2
Nhà xưởng 08 Đông Sơn	321.687.000	456 m^2	560 m^2
Nhà xưởng 105 Âu Cơ	550.460.000	1.880 m^2	1014m^2
Xưởng mới 105 Âu Cơ	892.228.520		672m^2

TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	DT KHUÔN VIÊN	DT SỬ DỤNG
Nhà Xưởng 47/4 Âu cơ	1.727.510.979	1.840 m^2	800m^2

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.

14.1. Kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị, tỷ lệ	(%) tăng giảm so với 2005	Giá trị, tỷ lệ	(%) tăng giảm so với 2006	Giá trị, tỷ lệ	(%) tăng giảm so với 2007
Vốn Điều lệ (triệu đồng)	13.347	0,00%	22.000	64,83%	22.000	0,00%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	180.000	9,19%	206.000	14,44%	248.315	20,54%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.580	13,89%	4.996	39,55%	5.745	15,00%
LN sau thuế / doanh thu thuần	1,99%	4,30%	2,43%	21,94%	2,31%	-4,60%
LN sau thuế / Vốn điều lệ	26,82%	13,89%	22,71%	-15,34%	26,12%	15,00%
Cổ tức	13,0%	8,33%	13,0%	0,00%	15,0%	15,38%

Năm 2006: Công ty niêm yết và được giảm thuế TNDN 50% trong 02 năm 2006, 2007.

14.2. Phương hướng thực hiện.

a. Điểm mạnh điểm yếu, cơ hội nguy cơ.

- Điểm manh:
  - Chính sách Hướng Tới Khách Hàng và là Người Bạn Chân Thành của mọi đối tác luôn được duy trì tốt, mọi cán bộ nhân viên trong Công ty luôn hướng tới mục tiêu tôn trọng lợi ích của khách hàng và cam kết chất lượng sản phẩm đã khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty.
  - Công tác quản lý và điều hành luôn được cải tiến và thay đổi linh hoạt, nhờ đó Công ty luôn giữ vững được mục tiêu kế hoạch hoạt động theo phương hướng duy trì ổn định và phát triển bền vững.
  - Công ty luôn tạo được sự đồng tâm hiệp lực từ trên xuống dưới: đoàn kết, phối hợp và tương trợ lẫn nhau, cùng nhau khắc phục những yếu kém, vượt qua khó khăn để hoàn thành mục tiêu chung.
- Điểm yếu:
  - Hoạt động kinh doanh & tiếp thị của Công Ty chưa ngang tầm với thực tiễn sản xuất kinh doanh nên thị phần các loại sản phẩm ALTA phát triển với tốc độ chậm.
  - Hoạt động dự báo và phòng chống rủi ro trong SXKD của Công ty còn yếu. Khả năng điều hành sản xuất của các Đơn vị trực thuộc trong những tình huống khó khăn chưa thực sự tốt, do vậy nhiều khi lúng túng và bị động.
- Cơ hội:
  - Thu hút vốn đầu tư thông qua thị trường chứng khoán.

- Việt nam tham gia các tổ chức kinh tế thế giới.
- Kinh tế Việt nam đang trên đà phát triển.

▪ Nguy cơ:

- Việc trốn thuế, gian lận trong kinh doanh chưa được ngăn chặn triệt để có thể tạo sự cạnh tranh không lành mạnh.
- Các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt nam (sau khi Việt nam gia nhập WTO) sẽ thu hút một lượng lớn nhân sự đã được đào tạo tại các Doanh nghiệp trong nước, gây khó khăn cho công tác nhân sự.

b. Phương hướng thực hiện.

- Liên tục nỗ lực nâng cao giá trị cổ phần cho cổ đông Công ty đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho mọi thành viên và nhân viên của Công ty.
- Tập trung hoàn thiện và phát triển hệ thống sản xuất - kinh doanh và dịch vụ nhằm đạt mức tăng trưởng của Công ty hàng năm khoảng 20%. Cố gắng trở thành nhà xuất khẩu bao bì đa chất liệu uy tín trên thị trường quốc tế.
- Đẩy mạnh hoạt động Marketing.
  - Thiết lập bộ phận Marketing chuyên nghiệp với các chức năng: tổ chức nghiên cứu thị trường, xây dựng các chiến lược Marketing, quảng cáo cho các mảng hoạt động của Công ty. Tạo dựng thương hiệu ALTA phát triển bền vững với người tiêu dùng.
  - Thắt chặt mối quan hệ khách hàng, đưa ra phương thức bán hàng linh hoạt. Thực hiện chính sách hoa hồng, khuyến khích kinh doanh có hiệu quả với các Đại lý và các nhà phân phối của Công ty. Mở rộng quan hệ đến các sở, ban ngành của các địa phương, mở rộng thị trường bán sỉ đến các tỉnh.
  - Đảm bảo nghiêm ngặt về số lượng và chất lượng sản phẩm khi giao hàng. Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 của Công ty.
- Đầu tư mới.
  - Triển khai dự án xây dựng công trình Trung Tâm Văn Hoá & Thương Mại Lạc Hồng tại địa điểm 91B2 Phạm Văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình với số vốn dự kiến 40 tỷ đồng. Thời gian hoàn thành được dự kiến vào dịp 02/0.9/2007.
  - Đầu tư đổi mới công nghệ nâng cao năng suất hơn nữa đối với sản xuất nhựa, thải loại một số trang thiết bị cũ có chi phí vận hành cao, không hiệu quả. Trong 05 năm tới sẽ nâng công suất sản xuất bao bì nhựa lên 500 tấn sản phẩm/ tháng.
  - Đầu tư chiều sâu để gia tăng năng lực sản xuất các sản phẩm mới cung cấp cho thị trường Việt nam như: hạt màu chủ, nguyên liệu composite resin. Bên cạnh đó, đầu tư nghiên cứu sản xuất những loại sản phẩm khác phục vụ cho công nghiệp sản xuất nhựa và in ấn như: khuôn mẫu, mực in .v.v.. Đưa công nghệ giải trí 3D vào kinh doanh tại TP.HCM và mở rộng công nghệ giải trí này ra các tỉnh thành trên cả nước.

- Xây dựng đề án đầu tư hạ tầng công nghiệp tại Khu Công Nghiệp Tân Đức, thuộc địa phận Long An giáp giới TP.Hồ Chí Minh với diện tích khai thác là 23.000 m^2 nhằm sẵn sàng đón đầu những cơ hội kinh tế mới do môi trường đầu tư quốc tế đang thuận lợi cho Việt Nam trong giai đoạn 2006 - 2010.

▪ Tăng cường quản lý và sử dụng vốn kinh doanh bảo đảm hiệu quả: Vốn là yếu tố quan trọng đối với doanh nghiệp, để quản lý vốn hiệu quả Công ty định hướng vào:

- Tập trung quản lý công nợ của từng khách hàng cụ thể.
- Giảm số ngày quay vòng vốn. Xây dựng các chính sách giá cả linh hoạt và hiệu quả để bán hàng nhanh, thu hồi vốn sớm.
- Tính toán cụ thể chi phí sử dụng vốn cho 02 trường hợp sử dụng vốn cổ đông hoặc vay ngân hàng để có chính sách vốn đa dạng và hữu hiệu.
- Tái cấu trúc cơ cấu tài chánh , cơ cấu vốn tạo sự ổn định và phát triển lâu dài.
- Huy động thêm từ vốn cổ đông cho những dự án lớn.

▪ Phát triển nguồn nhân lực.

Nhân tố con người chiếm phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công và phát triển của doanh nghiệp. Do đó kế hoạch chiến lược nguồn nhân lực của Công ty sẽ tập trung vào:

- Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng.
- Kiên quyết thực hiện chương trình ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN NGUỒN NHÂN LỰC vị trình độ và kỹ năng chuyên môn.
- Thu hút thêm nhân sự có năng lực từ bên ngoài với nhiều hình thức lao động mang tính linh động như làm việc bán thời gian, tư vấn theo công việc, theo dự án, theo hiệu quả, cộng tác viên .v.v…
- Thực hiện chương trình Khoán việc - Khoán lương, xây dựng tính cách lao động cho công nhân và nhân viện theo tiêu chí: tự chủ - trách nhiệm và hiệu quả, tích cực phát triển Công ty. Chú trọng cải thiện đời sống cá nhân người lao động.

- Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển chọn và đào tạo để từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.

- Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.
- Tạo điều kiện cho mọi người lao động trong Công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của Công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ thực sự và luôn gắn bó.

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy rằng sự phát triển của ngành bao bì nhựa và ngành in ấn

trong các năm tới gia tăng ở mức 10% trở lên là hoàn toàn có thể. ALTA là doanh nghiệp có bề dầy kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề đã tạo cho Công ty có vị trí ổn định trên thị trường. Chính vì vậy hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể duy trì sự tăng trưởng trong những năm tới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2006 - 2008 là có tính khả thi và như vậy thì Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.

Không có

17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU.

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

IV. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.

1. LOẠI CHỨNG KHOÁN: **Cổ phiếu phổ thông**

2. MỆNH GIÁ: 10.000 đồng

3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.

Tổng số cổ phiếu Công ty đăng ký niêm yết là **1.334.700** cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ Công ty là: 158.170 cổ phiếu.

4. GIÁ NIÊM YẾT DỰ KIẾN: 23.000 đồng/cổ phiếu

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ:

Phương pháp tính giá được thực hiện là phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF). Dòng tiền tự do của doanh nghiệp (FCFF) được dự báo trong tương lai sẽ được chiết khấu về giá trị hiện tại để tính giá trị hoạt động của doanh nghiệp. Giá trị doanh nghiệp sau khi trừ đi các khoản nợ sẽ là giá trị vốn cổ phần; giá trị vốn cổ phần chia cho tổng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ thu được giá trị cổ phiếu.

Các số liệu dùng để tính toán được căn cứ dựa trên kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty trong 05 năm tới (2006 đến 2010), những năm tiếp theo sau đến vô hạn được giả định rằng Công ty có tốc độ tăng trưởng 4%.

Theo đó, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận từ 2006 - 2010 được Công ty dự kiến như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006 (F)	2007 (F)	2008 (F)	2009 (F)	2010 (F)
Doanh thu thuần	180.000	206.012	248.315	268.339	325.040
Lợi nhuận sau thuế	3.580	4.996	4.785	7.505	8.538

Nguồn: Alta

Hệ số chiết khấu được sử dụng để chiết khấu các dòng tiền trong tương lai là chi phí vốn bình quân (WACC), Tỷ suất chiết khấu (WACC) cho mô hình được tính là 11%.

6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 24/10/2005) về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

7. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.

Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập đối với các khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm kể từ khi nhà đầu tư có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân.

Theo quy định tại Thông tư số 74/2000/TT-BTC ngày 19/07/2000 của Bộ Tài chính, đối với tổ chức phát hành có chứng khoán được niêm yết, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong hai năm tiếp theo kể từ khi được cấp giấy phép niêm yết chứng khoán lần đầu tại TTGDCK.

Căn cứ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4762/UB-CN ngày 26/12/2001 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh, mức thuế suất Thuế TNDN của Công ty là 20% do thực hiện di dời vào khu Công nghiệp.

Ngoài ra, theo Quyết định số 214/QĐ-UB ngày 14/01/2003 của Uỷ ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc di dời Công ty ra khỏi khu đô thị đến Khu Công nghiệp Tân Bình nên được miễn

Thuế TNDN 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 02 năm tiếp theo.

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ TÂN BÌNH.

Trụ sở chính: Lô II-3 Nhóm công nghiệp 2, Đường số 11, Đường số 08, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q.Tân phú TP.HCM
Điện thoại: (84-8) (84-8)8162884~6
Fax: (84-8) 8162887

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC).

Trụ sở: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt nam.
Điện thoại: (84-4) 826 8681
Fax: (84-4) 825 3973

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT.

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-04) 943 3016 Fax: (84-04) 943 3012
Chi nhánh: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-8) 8218564- 9141995 Fax: (84-8) 8218566

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.

1. RỦI RO PHÁP LUẬT.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của ALTA chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. RỦI RO TỶ GIÁ.

Phần lớn các nguyên liệu nhựa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của Công ty phải nhập khẩu bằng ngoại tệ, tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu và hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, máy móc thiết bị của Công ty phần lớn đều được nhập khẩu, do đó các dự án đầu tư mới cũng phải gánh chịu rủi ro từ những thay đổi trong tỷ giá hối đoái.

Trong những năm gần đây, do chính sách ổn định tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy ảnh hưởng do biến động tỷ giá đến giá nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty là không đáng kể. Mặt khác, Công ty cũng có kế hoạch chủ động nguồn ngoại tệ để phục vụ cho việc nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị do vậy những thiệt hại do biến động tỷ giá gây ra cũng được hạn chế.

3. RỦI RO TÀI CHÍNH.

Công ty có nhu cầu vay vốn cho việc dự trữ nguyên liệu nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất, các khoản vay có thời hạn vay ngắn, vì vậy khi có biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của kế hoạch dự trữ. Ngoài ra, khi Công ty có kế hoạch đầu tư mở rộng lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh, nhu cầu vay vốn dài hạn sẽ cần thiết để tài trợ cho các dự án. Nếu kế hoạch triển khai không hợp lý có thể dẫn đến rủi ro trong khả năng chi trả lãi vay cũng như vốn vay.

4. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU.

Trong những năm gần đây giá của mặt hàng nguyên liệu nhựa trên thế giới luôn biến động theo chiều hướng tăng do những biến động về kinh tế chính trị tại Trung đông, nơi tập trung các nước xuất khẩu dầu mỏ chủ yếu. Sự biến động chính trị và kinh tế tại Trung đông tác động làm biến động giá dầu thô trên thế giới và gây ảnh hưởng đến giá các mặt hàng nguyên liệu nhựa, loại sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ, những biến động này ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do hầu hết các loại nguyên liệu nhựa Công ty sử dụng phải nhập khẩu.

5. RỦI RO KHÁC.

Các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ.v.v... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

VII. PHỤ LỤC.

1. **Phụ lục I**: Điều lệ Công ty.
2. **Phụ lục II**: Báo cáo kiểm toán năm 2004, 2005, Báo cáo tài chính quý II năm 2006.

CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TRƯỞNG BKS	CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ HỒNG ĐIỆP	LÝ THỊ BÍCH	HOÀNG VĂN ĐIỀU